

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRẦN PHƯƠNG TRANG

THƠ TÌNH YÊU CỦA Y PHƯƠNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ, VĂN HÓA VÀ VĂN HỌC VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN, NĂM 2018

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRẦN PHƯƠNG TRANG

THƠ TÌNH YÊU CỦA Y PHƯƠNG

Ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 8.22.01.21

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ, VĂN HÓA VÀ VĂN HỌC VIỆT NAM**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS Nguyễn Đức Hạnh

THÁI NGUYÊN, NĂM 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Đức Hạnh. Các kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong bất kì một công trình nào khác.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2018

Tác giả

Trần Phương Trang

LỜI CẢM ƠN

Bằng sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Nguyễn Đức Hạnh – người đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Em cũng xin được bày tỏ lòng cảm ơn tới các thầy cô giáo khoa Ngữ Văn, các thầy cô khoa Sau đại học, các thầy cô trong BGH trường ĐHSP – Đại học Thái nguyên, các thầy cô Viện văn học, các thầy cô trường ĐHSP Hà Nội đã giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Cháu xin được gửi lời cảm ơn tới nhà thơ Y Phương – người đã giúp cháu có được những tư liệu quý báu để nghiên cứu, hoàn thành luận văn.

Cuối cùng, tác giả luận văn xin được gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã cổ vũ, động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận văn.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2018

Tác giả

Trần Phương Trang

MỤC LỤC

Trang

TRANG BÌA PHỤ

LỜI CAM ĐOAN i

LỜI CẢM ƠN ii

MỤC LỤC iii

A. MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài 1

2. Lịch sử vấn đề 2

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 5

5. Phương pháp nghiên cứu 6

6. Đóng góp của luận văn 6

7. Cấu trúc của luận văn 6

B. NỘI DUNG 8

Chương 1: THƠ Y PHƯƠNG TRONG NỀN THƠ CÁC DÂN TỘC

THIẾU SỐ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI 8

1.1. Tiểu sử, sự nghiệp sáng tác và quan điểm nghệ thuật của nhà thơ Y

 Phương 8

1.1.1. Tiểu sử 8

1.1.2. Sự nghiệp sáng tác 10

1.1.3. Quan điểm nghệ thuật 12

1.2. Thơ Y Phương trong thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại 17

1.2.1. Khái quát về thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại 17

1.2.2. Khái quát về thơ Y Phương 20

1.2.3. Khái quát về thơ tình yêu của Y Phương 26

Chương 2: NHỮNG ĐẶC SẮC Ở PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

TRONG THƠ TÌNH YÊU Y PHƯƠNG 29

| | |
|---|-----------|
| 2.1. Bức tranh thiên nhiên, bản làng miền núi trong thơ tình yêu Y Phương | 29 |
| 2.1.1. Bức tranh thiên nhiên, bản làng thơ mộng trong thơ tình yêu Y Phương | 29 |
| 2.1.2. Bức tranh thiên nhiên hoang sơ, dữ dội trong thơ tình yêu Y Phương | 36 |
| 2.2. Hình ảnh con người miền núi trong thơ tình yêu Y Phương | 39 |
| 2.2.1. Con người miền núi trong nỗi nhớ người yêu..... | 39 |
| 2.2.2. Con người miền núi thủy chung, sẵn sàng vượt qua trở ngại thử thách trong tình yêu | 41 |
| 2.2.3. Con người miền núi hồn nhiên, mãnh liệt trong tình yêu và tình dục .. | 44 |
| 2.2.4. Con người miền núi giàu đức hy sinh trong tình yêu | 47 |
| 2.3. Ý nghĩa triết luận trong thơ tình yêu Y Phương | 48 |
| 2.3.1. Tình yêu mang lại vẻ đẹp và sức sống kì diệu cho con người..... | 48 |
| 2.3.2. Vĩ đại nhất trong tình yêu là người phụ nữ..... | 51 |
| 2.3.3. Sự ngậm ngùi cho tuổi già và tình yêu..... | 55 |
| Chương 3: NHỮNG ĐẶC SẮC Ở PHƯƠNG DIỆN HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT TRONG THƠ TÌNH YÊU Y PHƯƠNG | 58 |
| 3.1. Biểu tượng nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương..... | 58 |
| 3.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương..... | 66 |
| 3.2.1. Các từ loại được ưa thích sử dụng trong thơ tình yêu Y Phương | 67 |
| 3.2.2. Các biện pháp tu từ được ưa thích sử dụng trong thơ tình yêu Y Phương.. | 74 |
| 3.3. Giọng điệu nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương..... | 82 |
| 3.3.1. Giọng điệu ngợi ca tự hào | 82 |
| 3.3.2. Giọng điệu hoài niệm, tiếc nuối | 85 |
| 3.3.3. Giọng điệu chiêm nghiệm triết lý | 87 |
| C. KẾT LUẬN | 91 |
| D. TÀI LIỆU THAM KHẢO | 94 |

A. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Y Phương là một trong số ít những nhà thơ xuất sắc nhất của thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại nói riêng và cả nền thơ Việt Nam hiện đại nói chung. Bằng tài năng và đam mê sáng tạo của mình, ông luôn nhận được sự đánh giá cao của giới nghiên cứu, phê bình văn học và lớp lớp thế hệ độc giả yêu văn học trong cả nước. Nhà thơ đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý: Giải A cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ Quân đội 1984; Giải thưởng loại A của Hội Nhà văn Việt Nam (1987) với tập thơ *Tiếng hát tháng Giêng*; Giải A của hội đồng Văn học dân tộc - Hội Nhà văn Việt Nam với tập thơ *Lời chúc*; Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam; Giải B của Bộ Quốc phòng (2001) với trường ca *Chín tháng*. Đặc biệt, năm 2007, Y Phương đã vinh dự nhận được giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật; Năm 2010, với tản văn *Tháng Giêng, tháng Giêng một vòng dao quắm*, ông đã được trao tặng giải thưởng của hội Nhà văn Việt Nam. Bởi vậy, việc chọn đề tài *Thơ tình yêu của Y Phương* để thực hiện luận văn Thạc sĩ không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn.

1.2. Đã có nhiều bài viết, luận văn, luận án tìm hiểu về thơ Y Phương nói chung những chưa có một nhà nghiên cứu hay một công trình nghiên cứu chuyên biệt nào tìm hiểu về thơ tình yêu của Y Phương. Do đó, công trình nghiên cứu của chúng tôi sẽ “lấp đầy” những “khoảng trống” ấy. Đề tài góp phần nhỏ bé vào việc giải mã những độc đáo, đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương nhằm nhận diện và đánh giá đầy đủ, toàn diện hơn về giá trị, sự đóng góp của thơ Y Phương cho thành tựu chung của nền văn học nước nhà.

1.3. Hiện nay, phân môn Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại đã được biên soạn và giảng dạy tại trường ĐHSP Thái Nguyên ở cấp học sau Đại học. Nếu đề tài được thực hiện thành công thì đây sẽ là tư liệu tham khảo

bổ ích cho công tác giảng dạy, học tập phân môn này nói riêng và cho những ai muốn tìm hiểu sâu hơn về bộ phận thơ Dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại nói chung.

2. Lịch sử vấn đề

Với số lượng tác phẩm đồ sộ, mang đậm bản sắc văn hóa Tày, Y Phương cùng với những “*đứa con tinh thần*” của ông đã trở thành đối tượng nghiên cứu của đông đảo độc giả và giới nghiên cứu, phê bình văn học trong cả nước. Hiện nay, số lượng các công trình nghiên cứu, đánh giá về Y Phương tương đối nhiều.

Đó là những bài viết được đăng tải trên các tờ báo, tạp chí và chương trình phát thanh truyền hình. Có thể kể đến:

- *Nhà thơ Tày “tự đục đá kê cao quê hương”*, tác giả Lê Thị Bích Hồng, báo Cao Bằng.

- *Nhà thơ Y Phương: Nói như người kinh thì tôi thua*, tác giả Nông Hồng Diệu, báo Tiền Phong.

- *Y Phương “kê cao” thơ Tày hiện đại*, tác giả Nguyễn Thúy Quỳnh, Trang Nhà văn TP HCM.

- *Nhà thơ Y Phương*, tác giả Vũ Bình Lục, Trang Văn hiến Việt Nam.

- *Nhà thơ Y Phương: Nhà văn và bạn đọc không hề có khoảng cách*, tác giả Hoàng Thanh Hương.

- *Thơ Y Phương*, tác giả Nguyễn Sĩ Đại, báo Nhân dân.

- *Thơ tình yêu Y Phương*, tác giả Phạm Quang Trung, Blog cá nhân Phạm Quang Trung.

- *Một nét riêng thơ tình*, tác giả Nguyễn Việt Siêu, báo điện tử Hải Dương.

Lê Thị Bích Hồng với bài viết “*Nhà thơ Tày tự đục đá kê cao quê hương*” đăng trên báo điện tử Cao Bằng đã khẳng định: “*Thơ Y Phương mang khát vọng bảo tồn những giá trị tốt đẹp của văn hóa Tày. Anh tự hào với một bầu khí quyển văn hóa Tày độc đáo vùng núi Cao Bằng để thỏa sức*

sáng tạo. Và dấu viết gì đi nữa thì cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của anh vẫn hiện lên sự tiếc nuối những ngày đã xa, sắp rời xa, hoặc sẽ vĩnh viễn mất trong xã hội người Tày” [9].

Nhận xét về giọng điệu thơ Y Phương, Nguyễn Thúy Quỳnh cho rằng: “Sự trải nghiệm cuộc sống, bản lĩnh và niềm tin cùng với tài năng và ý thức nghề nghiệp của nhà thơ đã làm nên trong thơ ông một giọng điệu đa thanh, vừa đầm thắm chất trữ tình vừa hào hùng chất sử thi, vừa hồn nhiên chân chất vừa sâu lắng tâm tư. Điều đó là sự khác biệt rõ nét đối với giọng điệu mạnh mẽ, hào sảng mang đậm chất sử thi, vốn là giọng điệu chủ đạo thể hiện qua lối kể tả chân thực của các nhà thơ thế hệ trước” [24].

Trong lời kết bài viết “**Thơ Y Phương**” đăng trên trang báo Nhân dân, Nguyễn Sĩ Đại khẳng định: “Nhu chiếc ba-lô nọ, những câu thơ bé nhỏ của Y Phương thường đựng những điều rất xa, rất đẹp. Không cần thiết phải bàn đến triển vọng của một cây bút mà tôi thấy cần thiết phải khẳng định một hướng đi được thấy từ Y Phương” [5].

Tại trang blog cá nhân của mình, Phạm Quang Trung đã đưa ra nhận xét về “người tình” trong thơ tình yêu của Y Phương như sau: “Xem ra, người tình trong thơ Y Phương luôn là người tình lý tưởng. Họ không ưa ba hoa, mà trước người tình thường nói ít hoặc nói một cách... khá là áp úng. Chủ yếu là im lặng. Đúng hơn là nói bằng mắt, bằng lòng. Tình yêu kiểu này mang sức nén, nên có dịp là bùng nổ thật ghê gớm” [35].

Ở bài biết “**Một nét riêng thơ tình**”, Nguyễn Việt Siêu đã chỉ ra những nét riêng trong thơ tình yêu của Y Phương: “Tứ thơ không mới. Mà chuyện tình yêu lại vốn "xưa như trái đất". Ấy là chưa kể thơ "nịnh đầm" không khéo rơi vào mòn, xáo, vô duyên. Nhưng ở đây với Y Phương thì không, dường như anh đã vượt qua được những rào cản đó” [28].

Những bài viết kể trên được đăng tải trên các tờ báo, tạp chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Đó chưa phải là những công trình

ngiên cứu có tính hệ thống sâu sắc nhưng cũng cho chúng ta thấy chân dung Y Phương với những đứa con tinh thần của ông.

Bên cạnh đó, những lời đề từ, lời bạt trong các tập thơ của Y Phương, cũng có một số nhận xét, đánh giá về thơ tình yêu Y Phương nói riêng và thơ Y Phương nói chung:

Trong lời đề từ **“Nhập hồn cùng lên đồng”** ở cuốn **“Vũ Khúc Tày”**, Lê Thị Bích Hồng nhận xét: *“Đúng là tạo hóa sinh hoa cỏ cho mùa xuân. Trời đã sinh đàn bà để cho đàn ông. Cũng như Y Phương là người sinh ra để yêu, để làm thơ, để ca ngợi vẻ đẹp của đàn bà và tình yêu...Sẽ không lạ sắc màu chủ đạo trong Vũ khúc Tày là màu...yêu...với đầy đủ những gam màu, cung bậc. Tình yêu là bạn đồng hành của nỗi nhớ”* [47; tr 9].

Ở lời bạt tập thơ **“Vũ khúc Tày”**, Nguyễn Đức Hạnh cũng đã chỉ ra những điểm đặc sắc, khác biệt về tình yêu trong tập thơ tình này với các tập thơ trước đó ở 2 phương diện: Một là *“Triết luận đôi khi ngậm ngùi về tình yêu chứ không chỉ mô tả đắm say về tình yêu”* [47; tr 255]; Hai là: *“Đặc sắc ở một số thủ pháp nghệ thuật yêu thích, quen dùng: Điệp cấu trúc và cách nói tăng cấp hay còn gọi là “bồi thán”* [47; tr 260].

Đặc biệt, qua tìm hiểu, chúng tôi được biết, hiện nay đã có một số công trình nghiên cứu khoa học về Y Phương:

- Nguyễn Thị Thu Huyền (2009), ***Bản sắc Tày trong thơ Y Phương và Dương Thuấn***, Luận văn Th.s, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

- Sùng Thị Hương (2013), ***Đặc sắc tản văn Y Phương***, Luận văn Th.s, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Như vậy, thơ tình yêu của Y Phương là một vấn đề độc đáo và đặc sắc. Nhưng qua khảo sát chúng tôi nhận thấy chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách chuyên biệt và có hệ thống về đề tài này. Tất cả chỉ mới dừng lại ở những bài viết chung chung, nhỏ lẻ. Thực tế đó đã gợi ý chúng tôi lựa chọn đề tài: **“Thơ tình yêu của Y Phương”** làm đối tượng nghiên cứu của mình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn của chúng tôi tập trung nghiên cứu như: bức tranh thiên nhiên, bản làng miền núi, hình tượng con người miền núi, ý nghĩa triết luận, các biểu tượng nghệ thuật, hệ thống từ loại và biện pháp tu từ được nhà thơ ưa dùng, ngôn ngữ nghệ thuật, giọng điệu nghệ thuật.... Từ đó, khẳng định phong cách nghệ thuật, thành tựu và đóng góp của nhà thơ vào thành tựu chung của nền thơ Việt Nam hiện đại nói chung và vào thành tựu của bộ phận thơ dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại nói riêng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Chúng tôi tuyển chọn, thống kê và nghiên cứu những bài thơ tình yêu gắn với khát vọng hạnh phúc lứa đôi trong 6 tập thơ của Y Phương, từ **Tiếng hát tháng giêng** đến **Vũ khúc Tày**:

- + **Tiếng hát tháng Giêng** (1986), NXB sở Văn hóa thông tin Cao Bằng.
- + **Lời chúc** (1991), NXB Văn hóa dân tộc.
- + **Ngược gió** (2006), NXB Văn hóa dân tộc.
- + **Thơ Y Phương** (2002), NXB Hội nhà Văn.
- + **Đàn then** (1996), NXB Hội nhà văn.
- + **Vũ khúc Tày** (2016), NXB Đại học Thái Nguyên.

Trong quá trình thực hiện đề tài này, chúng tôi có mở rộng, so sánh thơ tình yêu của Y Phương với thơ tình yêu của một số nhà thơ dân tộc khác như Triệu Kim Văn, Mai Liễu, Dương Thuấn, Lò Ngân Sủn....

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những đặc sắc ở phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật trong thơ tình yêu của Y Phương. Từ đó, góp phần lý giải, khẳng định giá trị của các tác phẩm và cá tính sáng tạo độc đáo của nhà thơ.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu một số vấn đề lí luận và thực tế liên quan đến đề tài.

Khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá những đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật trong thơ tình yêu của Y Phương.

Tìm hiểu thêm một số bài thơ tình yêu của các nhà thơ dân tộc cùng thời khác như: Lò Ngân Sủn, Mai Liễu, Triệu Kim Văn, Dương Thuần... để so sánh đối chiếu làm rõ hơn cá tính sáng tạo cùng với đóng góp của Y Phương.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng đồng bộ, linh hoạt các phương pháp nghiên cứu sau đây:

Phương pháp phân tích tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại.

Phương pháp thi pháp học.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành (Văn hóa học, dân tộc học...).

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng hàng loạt các thao tác nghiên cứu quen thuộc như: Thống kê, phân loại, so sánh...

6. Đóng góp của luận văn

Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên tìm hiểu chuyên sâu và toàn diện về bộ phận thơ tình yêu trong sự nghiệp sáng tác của Y Phương. Từ đó, khẳng định phong cách nghệ thuật, thành tựu và đóng góp của thơ Y Phương trong bộ phận thơ dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại và cả nền thơ ca của nước nhà hôm nay.

Luận văn đóng góp một tư liệu tham khảo bổ ích cho công tác giảng dạy và học tập phần Văn học Dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại trong nhà trường

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được cấu trúc gồm 3 chương:

Chương 1: Thơ Y Phương trong nền thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại.

Chương 2: Những đặc sắc ở phương diện nội dung trong thơ tình yêu Y Phương.

Chương 3: Những đặc sắc ở phương diện hình thức nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương.

B. NỘI DUNG

Chương 1:

THƠ Y PHƯƠNG TRONG NỀN THƠ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

1.1. Tiểu sử, sự nghiệp sáng tác và quan điểm nghệ thuật của nhà thơ Y Phương

1.1.1. Tiểu sử

Nhà thơ Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước. Ông sinh ngày 24 tháng 12 năm 1948 tại làng Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nhà thơ đã tự giới thiệu về quê quán, cuộc đời của mình qua những vần thơ đặc sắc trong bài thơ **Tên làng**:

*“Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Ba mươi tuổi từ mặt trận về
Vội vàng cưới vợ”*

Làng Hiếu Lễ, nơi có “ngôi nhà xây bằng đá học” đã in đậm trong ký ức và gắn liền với tên tuổi của Y Phương. Vì vậy, ông còn có tên là “*Người trai làng Hiếu Lễ*”.

Ông đã rất may mắn khi được chào đời đúng cái nôi của văn hóa xứ Tày, đó là xứ sở Cao Bằng non cao nước biếc. Ở nơi đây, những vỉa tầng văn hoá truyền thống dân tộc Tày được hiện lên vô cùng rõ nét trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân. Đó cũng là nơi chứa đựng đầy những chiến công hiển hách của quân và dân ta trong các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập tự do của dân tộc với những cái tên đã đi vào lịch sử như: Bế Khắc Thiệu, Nông Đắc Thái, Lê Văn Khôi, Nông Văn Vân....

Với bề dày lịch sử và văn hóa đa sắc tộc, Cao Bằng là mảnh đất đã sản sinh và nuôi dưỡng nhiều nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc Việt Nam ta. Đó là Hoàng Đức Hậu, nhà thơ Tày sử dụng chữ Nôm Tày một cách thuần thục với

nhiều sáng tác đặc sắc để lại cho đời sau. Đó là **Bàn Tài Đoàn**, nhà thơ Dao với *Dặn vợ dặn con* (1944), *Muối cù Hồ* (1960)...Đó là **Hoàng Triều Ân**, nhà thơ Tày với *Tung Cờn và suối đàn* (1963), *Trên vùng mây trắng* (2011)...Đó là **Vi Hồng**, người dân tộc Tày đã trở thành thầy giáo dạy Văn ở trường ĐHSP Việt Bắc, tác giả có 19 đầu sách với nhiều tác phẩm văn xuôi tiêu biểu: *Người trong ống và Gã ngược đời* (1990), *Tháng năm biết nói* (1993)...Đó là **Cao Duy Sơn**, dân tộc Tày, người viết văn xuôi thành công nhất của Cao Bằng với các tiểu thuyết như: *Người lang thang* (1992), *Đàn trời* (2006), *Chòm ba nhà* (2009)...Đó là **Hữu Tiến**, nhà văn Tày với 7 đầu sách được xuất bản, trong đó nhiều tập truyện đạt giải cao như: *Trăng gần* (1993), *Ngọn suối chân rừng* (1997), *Đèo không lặng gió* (2002)...Đó là **Hoàng Quảng Uyên**, người dân tộc Tày lấn sân vào nhiều lĩnh vực như viết văn, viết báo, viết kịch bản phim, phê bình văn học, có thể kể đến các tác phẩm đặc sắc: *Thầy giáo đại học* (1998), *Vọng tiếng non ngàn* (2011)...Ngoài ra, còn rất nhiều các nhà văn, nhà thơ khác như: Đoàn Văn Lư, Đoàn Minh Ngọc...Truyền thống văn học này có ảnh hưởng rất lớn đến các sáng tác của nhà thơ Y Phương.

Không chỉ vậy, Y Phương còn được sinh trưởng trong một gia đình trí thức dân tộc thiểu số, có truyền thống hiếu học. Cha ông là cụ Hứa Văn Cường biết chữ Nho, làm thầy tào và chữa bệnh điên cứu người. Ngày nhỏ, cậu bé Sước hiếu động đã theo cha gõ trống, đánh náo bạt cho đám ma. Cha đã truyền dạy cho cậu tất cả những gì mà ông có được, đặc biệt là chữ viết của người Tày. Chính vì vậy, ngay từ bé, cậu đã biết chữ Nôm Tày và hiểu nhiều hơn về đặc sắc văn học Tày. Mẹ Sước là bà Nông Thị Lộc - một phụ nữ đảm đang, tháo vát, hiểu biết rộng, hết lòng vì chồng vì con, luôn khích lệ con trai lòng can đảm, bản lĩnh, đứng vững trước thử thách của cuộc sống: "*Hãy giữ mình như giữ lửa - Cút ngòi - Đùng sợ bóng người con*" [13]. Hứa Vĩnh Sước lớn lên trong niềm từ hào về truyền thống của quê hương, gia đình.

Lên 9 tuổi, Hứa Vĩnh Sước mới tập nói tiếng Kinh. Niềm đam mê văn chương mạnh mẽ và phát lộ khi cha thấy cậu con trai nghiền ngẫm sách như một “con mọt”. Vĩnh Sước tâm sự “*Tôi coi sách như bạn. Vì tôi không có hứng thú ham chơi thả diều, đá bóng như nhiều bạn cùng lứa...*” [13]. Ngày ngày, cậu tiết kiệm tiền ăn sáng mẹ cho để mua sách về đọc. Mỗi khi mệt mỏi hay chán trường, sách chính là người bạn tri kỷ giúp Vĩnh Sước vượt qua tất cả.

Học hết cấp I, cấp II, đang học dở cấp III ở Trùng Khánh, chàng trai làng Hiếu Lễ đã có một quyết định táo bạo: tạm thời nghỉ học để nhập ngũ năm 1968 vào Binh chủng Đặc công. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã “*kích hoạt*”, “*châm ngòi*”, dung dưỡng, tạo nên hồn thơ cho chàng lính trẻ đặc công.

Sau khi miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, anh quyết định tiếp tục thực hiện giấc mơ hồi trẻ, bước tiếp trên con đường học vấn dang dở. Năm 1976, anh đầu quân vào Trường Điện ảnh Việt Nam. Năm 1982, niềm mong ước mới được thỏa nguyện khi là học viên của Trường Viết văn Nguyễn Du (khóa II, 1982-1985). Anh say mê tiếp thu nguồn tri thức từ thầy, không quên học hỏi những bạn văn chương ở các vùng miền đất nước, như: Pò Sảo Mìn, Phạm Ngọc Chiêu, Đức Ban, Phùng Khắc Bắc, Thanh Kim, Hà Đình Cẩn, Nguyễn Trác.

Năm 1986, Y Phương về nhận công tác tại Sở Văn hóa - Thông tin Cao Bằng. Từ đó, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng: năm 1991, ông được bầu làm Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Cao Bằng, năm 1993 ông là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng, ủy viên BCH Hội nhà văn Việt Nam khóa VI. Hiện nay, ông là ủy viên BCH hội Nhà văn Việt Nam, phó CT hội đồng thơ – hội Nhà văn Việt Nam.

1.1.2. Sự nghiệp sáng tác

Vốn là có năng khiếu văn chương, Y Phương đến với thơ ca như một “*định mệnh*” không thể chối từ, như là duyên nghiệp và lẽ sống. Ông bắt đầu

làm thơ và có sáng tác đăng báo từ khi còn là một chiến sĩ bộ đội đặc công.

Năm 1972 đơn vị mở cuộc thi Báo tường, Vĩnh Sước hăng hái gửi mấy bài thơ tham gia cùng đồng đội cho vui. Thật bất ngờ sau đó ít lâu, trong một chuyến đi công tác, nhà thơ Văn Thảo Nguyên đã chọn 2 bài thơ của Y Phương có tên **Bếp nhà trời** và **Dáng một con sông** đăng trên tạp chí Văn nghệ Quân đội. Sau khi trình làng hai bài thơ nói trên, sự nghiệp văn học của Vĩnh Sước bắt đầu cho những trái ngọt đầu tiên. Tên tuổi của ông thực sự được ghi dấu trên văn đàn với bài thơ **Tiếng hát tháng Giêng**. Bài thơ đạt giải A cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ quân đội năm 1984.

Ông là một nhà thơ xuất sắc với sự nghiệp văn chương đáng khâm phục. Từ khi “*bước chân*” vào làng văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam đến nay, Y Phương đã là tác giả của 1 tập kịch, 7 tập thơ, 2 trường ca, 3 tập tản văn. Các tác phẩm tiêu biểu phải kể đến:

*** Các tập thơ**

Tiếng hát tháng giêng (1986), Lời chúc (1987), Đàn then (1996), Thơ Y Phương (2000), Thất tàng lòn – Ngược gió (Thơ song ngữ Việt – Tày, 2006), Bài hát cho sả (2011), Tụng Tày – Vũ khúc Tày (Thơ song ngữ Việt – Tày, 2016).

*** Trường ca**

Chín tháng (1998), Đò trắng (2009)

*** Tản văn**

Tháng Giêng, tháng Giêng một vòng dao quắm (2009), Kungfu người Cô Xà (2010), Fùn nèn – củi tết (2015).

Với khối lượng tác phẩm đồ sộ và có giá trị như trên, Y Phương đã vinh dự được nhận nhiều giải thưởng cao quý:

Giải A Hội nhà văn Việt Nam, 1987 (Tiếng hát tháng Giêng - thơ)

Giải A Hội nhà văn Việt Nam, 1992 (Lời chúc - thơ)

Giải B (không có giải A) Bộ quốc phòng, 2000 (Chín tháng - Trường ca)

Giải Nhất cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1984 (Chùm

thơ: Phòng tuyển Khau Liêu, Tên Làng, Nói với con) và nhiều giải thưởng khác của Tuần báo Văn nghệ.

Giải thưởng nhà nước về Văn học Nghệ thuật (3 tập thơ Tiếng hát tháng giêng, Chín tháng, Lời chúc)

Hồn thơ Y Phương là sự kết tinh từ khả năng nghệ thuật thiên phú, từ một quá trình lao động nghệ thuật gian khổ và đã trở thành lẽ sống, từ vốn văn hóa sâu rộng được khởi nguồn từ nền văn hóa Tày đặc sắc. Và sâu thẳm hơn cả là một tình yêu lớn dành cho quê hương đất nước của Y Phương.

1.1.3. Quan điểm nghệ thuật

Y Phương là tác giả có nhiều trăn trở về sáng tác văn chương. Ông có những “*tuyên ngôn*” thể hiện rõ quan điểm nghệ thuật của mình.

Trong truyện ngắn “*Đời thừa*”, Nam Cao viết: “*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có*”. Với Y Phương cũng vậy, khi được hỏi về quan niệm sáng tác, nhà thơ thẳng thắn trả lời: “*Sáng tác theo ý riêng: Tháo dòng nước tình cảm đang tràn trề ở trong con người*” [54]. Ông cho rằng, văn chương không phải là sự lặp lại hay bắt chước. Sáng tác văn chương không phải là việc làm hùa theo những trào lưu chung mà phải là những sáng tác theo ý riêng. Người nghệ sĩ khi sáng tạo văn học cần thể hiện tình cảm cá nhân đang tràn trề trong chính bản thân mình. Bởi thế, ta dễ dàng nhận thấy, các tác phẩm của Y Phương luôn gắn với chiều sâu thế giới nội tâm của ông. Y Phương tìm đến thơ để giải bày những tâm tư, tình cảm của bản thân. Nhà thơ phát hiện ra ý nghĩa sâu xa trong từng sự vật, hiện tượng rồi truyền cảm xúc của mình cho người đọc. Để “*tháo dòng nước tình cảm*” trong lòng một cách thành công, trở thành tác giả có phong cách nghệ thuật riêng thì bản thân Y Phương không ngừng trau dồi tình cảm, vốn sống và nhân cách của mình.

Y Phương quan niệm, văn chương là một trò chơi để phục vụ cho bản thân mình và mọi người: *“Cho đến bây giờ, tôi vẫn cho văn chương là một thứ chơi. Chơi cho mình thích và cho người ta thích”* [6; 252]. Mỗi khi buồn chán hay mệt mỏi, ông đều tìm đến thơ. Nó như trò chơi giải trí đầy thú vị, hấp dẫn khiến *“cậu bé”* Y Phương ham chơi không thể chối từ. Tuy nhiên, với trò chơi ngôn ngữ này, ông yêu cầu rất cao. Bên cạnh việc thỏa mãn ý thích của mình, nó còn phải làm cho người khác thấy thích, thấy yêu. Suy nghĩ này chứng tỏ nhà thơ luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho độc giả. Trong bài phỏng vấn giữa phóng viên và Y Phương với nhan đề *“Nhà thơ Y Phương: Nhà văn và bạn đọc không hề có khoảng cách”* của tác giả Hoàng Thanh Hương đăng trên báo Gia Lai, ông đã thẳng thắn cho rằng nhà văn, nhà thơ và độc giả chỉ là những người bạn: *“Nhà văn với độc giả chỉ như những người bạn, thông tin với nhau về những bức xúc trong tâm hồn, thông qua hình tượng nghệ thuật. Nhà văn và bạn đọc không hề có khoảng cách. Dù là bạn đọc thuộc nhiều thế hệ đi chăng nữa, hãy xem nhau như bè bạn. Khi coi họ là những người bạn, mới có thể bộc bạch hết nỗi lòng của mình”* [15]. Coi độc giả như người bạn, tức là khi ấy, người nghệ sĩ phải chân thành, cởi mở, sẵn sàng chia sẻ và hết lòng vì bạn đọc, bỏ qua tất cả những vụ lợi, tranh giành: *“Người nghệ sĩ chỉ tôn vinh cái đẹp, nói về cái đẹp, không tranh giành, không đấu đá. Người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp nên cái tâm phải sáng. Đã là văn chương phải trong sáng, bởi không ai đúc quả chuông bằng cái cối thếp, phận người làm văn phải mỏng, mới nhạy cảm. Dây đàn phải mỏng, phải mảnh mới rung, mới ngân vang được. Văn chương vụ lợi thì không còn là văn chương nữa”* [15].

Trong quá trình sáng tác, nhà thơ luôn tâm niệm phải giữ gìn cho được nhân cách của mình: *“Cuộc đời tôi sống và viết như tờ giấy này, có thể nhàu nát và rách nhưng không mất lẽ”* [24;543]. Là một người con dân tộc Tày được sinh ra và lớn lên ở mảnh đất Cao Bằng, Y Phương luôn ý thức phải giữ

gìn bản sắc văn hóa dân tộc, không được quên đi cội nguồn. Mặc dù hiện nay, ông đã chuyển về Hà Nội sinh sống nhưng tâm hồn ngày nào cũng khắc khoải nỗi nhớ mong về Cao Bằng – mảnh đất thiêng liêng ấy. Nhà thơ giao tiếp với vợ con không phải bằng tiếng Kinh mà bằng tiếng Tày để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ông luôn khắc cốt ghi tâm tuyên ngôn của bậc đàn anh Vi Hồng: *“Minh là người Tày, phải hiểu biết cặn kẽ, thấu đáo và chỉ viết những gì gắn bó máu thịt với người vùng mình. Tuyệt đối không vay mượn. Ở đời có vay có trả, chẳng ai cho không ai cái gì bao giờ. Tự làm lấy – phận sự của nhà văn miền núi là làm sao giúp cho dân tộc mình canh chừng với kẻ ác, cái ác...Người miền núi thật thà ngay thơ nên rất dễ mắc lừa”* [50]. Cũng bởi lý do đó mà Y Phương sáng tác thơ bằng tiếng Tày rất nhiều, ông có đến 2 tập thơ song ngữ Việt - Tày. Nhà thơ luôn muốn vươn tới sự bình đẳng trong nghệ thuật. Ông cho rằng không có văn học đa số hay thiểu số mà chỉ có văn học hay hoặc dở, chỉ có nhà văn thực sự tài năng và nhà văn không có tài mà thôi.

Đặc biệt, Y Phương cho rằng: *“Văn chương là một việc làm trả ơn những người sinh thành và nuôi dưỡng mình”* [24,776]. Ông thường nói một cách khiêm tốn: *“Những gì mình làm được, đấy là của ông bà cả thôi”* [41,270]. Y Phương có nhiều sáng tác về Trùng Khánh, Cao Bằng – mảnh đất thượng võ, giàu truyền thống văn hóa. Với tâm nguyện sáng tác để *“trả ơn”* những người đã sinh ra và nuôi dưỡng, ta thấy mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc được hiện lên rõ nét trong sáng tác của ông. Y Phương vẽ lên chân dung *“người đồng mình”* bằng những đường nét tuyệt đẹp:

“Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục”

(Nói với con)

Y Phương viết nhiều về quê hương Cao Bằng yêu dấu, viết về ý chí, nghị lực và bản lĩnh kiên cường của “*Người đồng mình*”, viết về phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa quê hương. Ông luôn tâm niệm phải giữ cho bằng được truyền thống và nét đẹp văn hóa dân tộc mình.

Y Phương rất yêu thơ bởi sự ngắn gọn, hàm súc và đa nghĩa của nó: “*Tôi yêu thơ, thơ chỉ cần một câu thôi nói được bao nhiêu vấn đề*” [5]. Với ông, thơ chính là tình yêu, là lẽ sống:

*“Cao hơn cơm là nước
Cao hơn nước là khí trời
Cao hơn khí trời là em bồ-câu-lơ-mơ-thơ của ta”*

(Bồ câu)

Trước sau Y Phương vẫn luôn nhất quán một xác tín nghề nghiệp: Thơ gắn liền với cuộc sống của ông, là cơm nước, là khí trời. Bởi lẽ đó, mặc dù bị bệnh tật dày vò và tuổi cũng đã xế chiều nhưng Y Phương vẫn không ngừng sáng tạo. Đến nay, ông đã để lại cho lớp lớp thế hệ độc giả một “*gia tài*” văn học đồ sộ và có giá trị.

Với mảng thơ tình yêu, Y Phương cũng có những quan điểm rõ ràng. Khi được hỏi về đặc điểm nổi trội và nét đặc sắc của thơ tình yêu, nhà thơ thẳng thắn trả lời: “*Thơ tình yêu không khác nhiều lắm với các đề tài khác. Nghĩa là phải có cảm xúc thực mạnh. Nhưng tình yêu là ở nơi có con người cụ thể. Con người là trung tâm của tình yêu. Tất cả mọi cung bậc cảm xúc đều hướng về nó. Nổi trội ư? Chắc có lẽ cũng như nhiều nhà thơ khác thôi. Nói trực tiếp cái điều mà người xưa hay vòng vo. Tôi làm thơ thường không chú ý đến thể thơ, ngôn ngữ, giọng điệu, hình tượng... Tôi làm thơ như người nông dân làm mùa. Cày bừa cấy hái tôi đều làm được. Gặp cảm xúc là viết. Không trông chờ vào các kỹ năng sáng tác*” [54].

Nhà thơ luôn quan tâm đến việc thể hiện bản sắc văn hóa Tày trong thơ tình yêu. Đó chính là sự hòa trộn giữa tính dân tộc và tính hiện đại: “*Bản sắc*

Tày trộn lẫn trong từng nhịp thở. Khó phân tách ô - xi với hi - dro. Nhưng nó phải kết hợp tính dân tộc và tính hiện đại. Trứng gà với bột mì làm nên chiếc bánh ga-tô. Người ăn sẽ phát hiện ra mùi vị trứng. Đó là tính dân tộc. Đó là bản sắc Tày. Ví dụ bài **Đất sinh ra mây**; **Xé...Ta xé thịt bắp đùi...Người Tày có câu “điếp căn nhằng gẻ nựa hấu kin”** nghĩa là yêu nhau sẵn sàng xẻ thịt cho nhau...” [54]. Ông bày tỏ rõ quan niệm về sự giống và khác giữa bản sắc văn hóa Tày trong thơ tình yêu của mình với thơ tình yêu của Mai Liễu, Lò Ngân Sủn và một vài nhà thơ dân tộc thiểu số khác: “*Mỗi người có một trường năng lượng hấp thụ văn hóa dân tộc khác nhau. Nhà thơ Lò Ngân Sủn có lần ví von: “Thơ mày (Y Phương) như tấm thổ cẩm, thơ tao (Lò Ngân Sủn) như cháo trắng cố”. Thơ Lò Ngân Sủn nặng về bản năng tiên thiên. Chất nguyên thủy rất rõ trong thơ Lò Ngân Sủn. Còn thơ tôi đã được chưng cất. Có lẽ do địa văn hóa hai vùng đất quyết định cá tính sáng tạo ở mỗi nhà thơ. Việt Bắc là nơi dung hợp các dòng văn hóa đan xen. Tây Bắc là nơi ít tiếp xúc với các nền văn hóa khác. Nên họ còn lưu giữ được tinh chất bản nguyên”*. [54]

Y Phương cho rằng, trong tình yêu điều đáng quý nhất là sự rõ ràng, còn điều đáng ghét không tồn tại bởi yêu nhau còn khó, ghét nhau thế nào được: “*Điều đáng quý nhất trong tình yêu là sự rõ ràng. Không giấu diếm. Trong bài **Răng và tóc** trong tập **Vũ khúc Tày** tôi đã nói lên điều này. Trong tình yêu, tôi không có khái niệm ghét. Yêu nhau đã khó, làm sao có thể ghét nhau được. Nếu có một trong hai người không còn duyên nữa, thì lẳng lẳng mà xa nhau. Hà có gì mà ghét, hà có gì mà căm thù. Yêu nhau như thế thì tầm thường lắm. Vì thế trong thơ tôi ít thấy bài thơ nào tỏ thái độ căm ghét không thèm nhìn mặt nhau”* [54]. Qua bộ phận thơ tình yêu, Y phương muốn gửi gắm một triết lý nhân văn: Hãy tôn vinh và yêu thương, bảo vệ người phụ nữ, đừng coi họ là “phụ” bởi họ rất thiêng liêng và cao cả: “*Bài thơ **Tựa** trong **Vũ khúc Tày** tôi đã nói rõ điều này. Bài thơ có hai câu. Cực ngắn. Tôi tôn vinh người phụ nữ ở khía cạnh xã hội. Đặc biệt bài **Mùa hoa**. Người phụ nữ mà tôi*

tôn vinh là ở sức mạnh sinh tồn. Người phụ nữ trong tôi rất đỗi thiêng liêng và cao cả. Họ không bao giờ là “phụ” mặc dù chúng ta vẫn nói phụ nữ. Người phụ nữ ai ai cũng đẹp. Họ không chỉ đẹp về hình thức. Họ còn đẹp toàn thể tâm hồn tình cảm nhân cách. Đặc biệt là sự hy sinh vô cùng lớn lao trong đời thường cũng nhưng trong bất kể cảnh huống nào” [54].

Mặc dù có những đóng góp không nhỏ cho bộ phận thơ tình yêu các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại, nhưng Y Phương rất khiêm tốn, ông không thừa nhận những thành tựu mà mình đạt được: *“Nếu nói đến thành tựu trong thơ tình yêu thì tôi chả có gì. Tình yêu đến với tôi khi tất cả đều đã mượn màng. Dường như cuộc đời tôi đều được an bài từ trước. Tôi là kẻ ăn mày tình yêu. Còn hạn chế thì không thể đếm được. Thơ tôi như con người của tôi đầy khuyết tật. Sờ đến bộ phận nào cũng có vấn đề. Thơ tôi như ngôi nhà nát. Sờ đến bộ phận nào cũng long sòng sọc. Để nguyên thì còn ra ngôi nhà. Nếu dỡ tung ra thì hỏng bét. Bởi vì thơ tôi sáng tác bằng tiếng Việt. Tất cả đều đi mượn. Mượn rồi đến lúc phải trả. Vì thế tôi thường viết rất nhanh. Viết nhanh thì không kĩ. Vì thế cơ thể thơ tôi đầy các chứng bệnh từ nhẹ đến nặng” [54].* Luôn tự cho rằng thơ mình còn nhiều hạn chế, đầy khiếm khuyết, đây là cách nhà thơ tự vấn, tự rèn để ngày càng có nhiều sáng tác độc đáo hơn.

1.2. Thơ Y Phương trong thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại

1.2.1. Khái quát về thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại

Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại còn khá trẻ, tính đến nay nó mới chỉ hình thành và phát triển chưa đầy một thế kỷ. Tuy vậy, mảng văn học này đã phát triển khá nhanh chóng về số lượng tác giả, tác phẩm cùng với nhiều thể loại phong phú và đa dạng.

Thơ dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại đã có những đóng góp rất lớn cho sự phát triển của nền văn học nước nhà. Có thể chia ra thành ba chặng đường phát triển như sau:

Trước và sau cách mạng tháng tám năm 1945 đến năm 1954: Đây là giai đoạn đánh dấu sự ra đời của những tác giả và tác phẩm đầu tiên khai sinh ra thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Tiêu biểu đó là: **Nông Quốc Chấn** với *Mưa gió*(1942), *Việt bắc đánh giặc* (1948), *Rời rừng* (1954), *Thu lên biên giới*(1954); **Nông Viết Toại** với *Lần tuyển câu*(1954); **Lương Quy Nhân** với *Cán bộ với dân mừng*(1947); **Bàn Tài Đoàn** với *Mừng thủ đô giải phóng*(1954)... Các tác phẩm thời kỳ này thể hiện rõ sự gắn kết giữa thơ ca với cách mạng. Đồng thời, thông qua các bài thơ, đặc sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số được bộc lộ vô cùng phong phú dưới nhiều hình thức thơ độc đáo mà giản dị.

Từ năm 1954 đến 1975: Đội ngũ sáng tác trở nên đông đảo hơn bao giờ hết, cùng với đó là sự ra đời của nhiều tác phẩm có giá trị. Có thể kể đến: **Nông Quốc Chấn** với *Người núi hoa*(1958), *Đèo gió*(1968)..; **Nông Viết Toại** với *Đét chang năm*(1974); **Vương Anh** với *Sao chớp núi*(1968), **Mã A Lệnh** với *Rừng sáng*(1978); **Bàn Tài Đoàn** với *Xuân về trên núi*(1963), *sáng cả hai miền*(1975)... Đặc điểm của thơ ca ở giai đoạn này là có sự mở rộng về đề tài. Nguyên nhân chủ yếu là do miền Bắc được giải phóng, việc giao lưu giữa hai miền trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn. Đồng thời nhân dân các dân tộc thiểu số được tiếp xúc nhiều hơn với Hà Nội trung tâm văn hoá kinh tế, chính trị, xã hội của cả nước qua các phương tiện thông tin đại chúng: đài, báo.. hơn nữa, nhiều con em dân tộc thiểu số được đào tạo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, tầm nhìn của các nhà thơ dân tộc thiểu số được mở rộng hơn.

Sau năm 1975, một số tác giả cảm thấy lúng túng trong sáng tác bởi cuộc sống xã hội phức tạp cùng với đó là sự khủng hoảng của xã hội. **Nông Viết Toại** không còn sáng tác nữa, **Cầm Biều** sáng tác ít hơn. Tuy vậy ở thời kỳ này, nhiều cây bút quen thuộc vẫn tiếp tục cho ra đời nhiều tác phẩm hay và đặc sắc: **Nông Quốc Chấn** với *Dòng thác* (1977), *Bài thơ Pác*

Bó (1982), **Triều Ân** với *Chốn xa xăm* (1990), **Bàn Tài Đoàn** với *Gửi đồng bào dao* (1979)... Cùng với đó là sự xuất hiện của nhiều tác giả mới: **Lò Ngân Sủn** với *Chiều biên giới* (1989), *Đám cưới* (1991), **Dương Thuấn** với *Đi tìm bóng núi* (1993), **Mai Liễu** với *Suối làng* (1994), *Mây vẫn bay về núi* (2001), **Pờ Sảo Mìn** với *Cây hai ngàn lá* (1992), *Bài ca hoang dã* (1993), *Cung đàn biên giới* (2003). Và đặc biệt là **Y Phương** với hàng loạt những tập thơ xuất sắc như: *Tiếng hát tháng giêng* (1986), *Lời chúc* (1991), *Đàn then* (1996), *Ngược gió* (2006)...

Có thể nói, mỗi nhà thơ đã cất lên tiếng nói của tâm hồn dân tộc mình, tạo nên một hương sắc riêng nhưng vẫn gắn bó và hòa chung vào dòng sông thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Tuy độ đậm nhạt khác nhau nhưng sáng tác của họ là sự kết tinh bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc mình với bản sắc văn hóa Việt Nam.

Thơ của các nhà thơ dân tộc thiểu số có sự tương đồng cơ bản vì cùng mang phong cách miền núi. Nó nắm ở sự mộc mạc, tinh tế và độc đáo, ở sự giao thoa giữa dân tộc mình với văn hóa vùng miền một cách hài hòa, nhuần nhuyễn. Bên cạnh đó, thơ của họ cũng vẫn thể hiện được sự khác biệt nhất định. Sự khác biệt đó nằm ở bản sắc văn hóa mang tính đặc trưng riêng của mỗi dân tộc, ở cá tính sáng tạo độc đáo riêng của mỗi tác giả. Sự tương đồng, khác biệt đó tạo nên một nền thơ các dân tộc thiểu số vừa nhất quán lại vừa phong phú, đặc sắc.

Hòa chung trong dòng mạch ấy là các nhà thơ dân tộc Tày. Trong đó, Y Phương nổi lên như một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất. Với những sáng tác của mình, Y Phương cùng hòa vào mạch nguồn chung ấy mà không mất đi bản sắc riêng. Thơ ca Y Phương đã khẳng định được vị trí, sự độc đáo trong nền thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam. Và nếu như không có thơ Y Phương thì bức tranh thơ chung ấy sẽ khuyết vắng đi một mảng quan trọng đậm sắc thái dân tộc Tày. Là một người con của mảnh đất Trùng

Khánh, Cao Bằng, thơ Y Phương dù vui hay buồn, dù viết về đề tài tự nhiên hay xã hội... cũng là tiếng nói tâm hồn của người Tày với những hình thức mới, dáng vẻ mới. Về bề ngoài, nhà thơ Y Phương là một người giản dị, kín đáo và ít nói nhưng khi đọc những vần thơ của ông mới thấy một tâm hồn đầy nhiệt huyết, cháy bỏng tình yêu trước cuộc đời.

1.2.2. Khái quát về thơ Y Phương

Y Phương là nhà thơ tiêu biểu của nền văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Đánh giá về thơ Y Phương có rất nhiều ý kiến nhận xét của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học cũng như nhà văn, nhà thơ nổi tiếng khác.

Khảo sát toàn bộ các tập thơ của Y Phương cùng với việc tìm hiểu các ý kiến, nhận định, chúng tôi đã khái lược được những đặc điểm chung của thơ Y Phương như sau:

*** Đề tài trung tâm trong thơ Y Phương**

Thơ Y Phương thể hiện tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước sâu sắc. Đây là đặc điểm dễ dàng nhận thấy trong thơ của rất nhiều nhà thơ dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại khác như: Triều Ân, Nông Minh Châu, Nông Viết Toại... Tuy nhiên, điểm độc đáo làm nên phong cách nghệ thuật Y Phương đó là cách mà ông thể hiện tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc. Nếu như các nhà thơ cùng thời khác trực tiếp lấy quê hương, đất nước làm đề tài sáng tác thì Y Phương lại trải rộng trên một hệ thống đề tài: Cuộc sống và con người miền núi, đô thị, chiến tranh, tình cảm gia đình, tình yêu đôi lứa... Sự phong phú về đề tài thể hiện sự trải nghiệm của cuộc đời ông. Cuộc đời bắt đầu từ cái làng Hiếu Lễ “*Có ngôi nhà xây bằng đá hộc/Có con đường trâu bò đi vàng đen kìn kịt/Có niềm vui lúa chín tràn trề*” (**Tên làng**), đi qua khói lửa chiến tranh và rồi trưởng thành trong bom đạn “*Ăn cơm muối vừng mà thắng giặc/Lớn lên chân cứng đá mềm*” (**Thưa mẹ chúng con đã lớn**).

*** Cảm hứng chủ đạo trong thơ Y Phương**

Đọc thơ Y Phương, ta thấy có sự đan xen giữa hai loại cảm hứng: Cảm hứng lịch sử - dân tộc và cảm hứng thế sự - đời tư. Chính điều này đã làm nên điểm khác biệt giữa thơ Y Phương với thơ của các nhà thơ khác cùng thời.

Khi viết về quê hương, dân tộc mình, Y Phương thường sử dụng giọng điệu sử thi hào sảng, kiêu hãnh:

*“Ta quyết không lùi
Cả đất nước trong vòng tay ta giữ
Câu hát thiêng liêng lắm chứ
Hát bây giờ còn để hát mai sau”*

(Tiếng hát thán giêng)

*“Thắp sáng lên ngọn đèn
Lịch sử hiện dần lên mặt vải
Dân tộc vừa bơi thuyền vừa hát trường ca Khảm hải”*

(Chín thán)

Cũng có lúc lại mang giọng điệu đằm thắm, tha thiết, chân thành:

*“Em có buồn?
Sao em băng khuâng
Quê hương mãi nghèo thế?”*

(Tiếng hát thán giêng)

*“Đất nước
Ngủ cũng đi
Mà ăn cũng đi
Biển réo đằng kia”*

(Chín thán)

Sự kết hợp giữa chất trữ tình và chất sử thi tạo nên giọng điệu trữ tình – sử thi là giọng điệu chủ đạo của nhà thơ trong những năm đầu sáng tác. Khoảng mười năm năm trở lại đây, thơ Y Phương lại mang một giọng điệu mới: Giọng điệu trữ tình – thế sự:

*“Những buổi sáng như thế này
Hà Nội ngọt và cay
Nếu không thế còn gì là Hà Nội”*

(Hà Nội trầm)

*“Mông một tết thấp hương
Khói đi lang thang
Theo khói
Gặp bưởi vàng
Dọc đường làng
Chọc là cười
Bầy trẻ nhỏ vừa mổ vừa ăn đem ra nghịch
Chân tay thơm quê hương”*

(Lời ru quê ngoại)

Bên cạnh niềm vui, thơ Y Phương cũng chất chứa những lo lắng, suy tư, những nỗi buồn, sự hoài niệm. Đó là sự tù túng của thời cuộc khiến nhà thơ hoang mang:

*“Những mùa dài sông Bằng không chảy
Tôm cá đi thơ thẩn như người
Mái chèo chạm nổi lòng gợn sóng
Đi đâu?
Về đâu?
Bè ơi!”*

(Những mùa sông Bằng không chảy)

Đó là sự hoài niệm về quê hương Hiếu Lễ xa nhớ, nơi ấy có mẹ, có cha, có bạn bè, làng xóm, có tuổi thơ hồn nhiên, vui tươi. Nơi ấy là nơi Y Phương luôn muốn “quành” về cho dù ông đang sống giữa Hà Nội phồn hoa:

*“Cổ đập ngược chiều gió
Gió thổi ớt vào mắt*

*Mắt hoe đỏ như khóc
Đạp đến đây đành quanh về nhà”*

(Khúc quanh)

*“Đây đâu phải nhà mình
Không thấy cánh đồng lúa vàng
Bãi đá sau làng”*

(Cười nổi gì)

*** Hình thức nghệ thuật vừa truyền thống vừa hiện đại**

Thơ Y Phương vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại. Trong quá trình sáng tác, ông luôn có ý thức vận dụng thi pháp cổ điển và hiện đại. Thơ ông có sự kết hợp hài hòa giữa lối trần thuật, phô diễn của diễn xướng dân gian với lối viết cô đọng, súc tích, nói ít gợi nhiều của thơ ca hiện đại. Đọc thơ Y Phương, ta thường bắt gặp những biểu tượng nghệ thuật, ngôn từ mộc mạc, giản dị mang đậm sắc thái Tày: Tóc, hạt thóc, com, xe đạp, chum rượu, bếp lửa... Ông có cách ví von mang đậm phong vị dân gian:

*“Em như cây hoa
Ai gần em cũng đẹp
Em như chum rượu
Ai gần em cũng say
Em như bếp lửa
Ai gần em cũng ấm”*

(Gần hoa)

Tuy nhiên, không dừng lại ở đó, Y Phương luôn tìm tòi và đã đạt được nhiều thành công trong việc phá vỡ cấu trúc ngôn ngữ thông thường, tái tạo lại cấu trúc thơ để tạo ra giá trị biểu đạt cao. Nhà thơ rất giỏi trong việc lập tứ, bài thơ nào của ông cũng có một tứ thơ hoàn toàn mới mẻ. Hơn thế nữa, ông còn tạo ra những phá cách về ngữ nghĩa, tạo ra những hình ảnh thơ lạ:

*“Bàn tay mềm ra suối mọc thành cây
Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp”*

(Em cơn mưa rào – ngọn lửa)

*** Bản sắc văn hóa Tày trong thơ Y Phương**

Có người ví tác phẩm của Y Phương như những bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc khác nhau, phong phú và đa dạng; nhưng trong đó có một màu sắc chủ đạo, một âm điệu chính là bản sắc dân tộc rất đậm nét và độc đáo. Niềm tự hào là một người con của dân tộc Tày và ý thức sâu sắc về những giá trị văn hóa Tày kết tinh trong con người mình đã mang đến cho văn thơ Y Phương một làn gió mới, làm giàu có đa dạng thêm nền văn học Việt Nam. Bản thân tác giả có lần đã tự so sánh mình với cây đàn tính của dân tộc Tày:

*“Cây đàn này đâu phải cây đàn
Bầu nước mắt trăm năm cười khóc
Cây đàn này đâu phải cây đàn
Bọc sinh nở lời chào li biệt
Vút đứng lên cây đàn diu dặt
Đi như thế cho đến ngày nhắm mắt
Ngôn ngữ cổ còn vài câu tích tịch
Hãy gảy lên ở bất cứ nơi nào”*

(Đàn tính)

Ngòi bút của ông cũng là một cây đàn trong ý nghĩa biểu tượng của nó. Đó là cây đàn bao giờ cũng cất lên những thang âm thành thật, gan ruột từ tận đáy lòng. Và người đọc sẽ được lắng nghe từ đó những lời tâm tình thủ thỉ ngọt ngào về tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, tình đất tình người đầm ấm mặn mà. Cũng có khi, người ta lắng lòng nghe thấy những thanh âm mộc mạc trầm đục như bước chân chắc chắn, như nhịp lao động lành hiền của những người đồng rừng. Đôi khi lại là những luyến láy mượt mà của điệu hát Woàng dzà hay điệu thơ Phong slư... Đặc biệt, không thể không kể đến những nốt nhạc rất trong, rất cao khi Y Phương viết về văn hóa gốc, về những nét đẹp bản sắc dân tộc. Với phương châm “dựa vào quê mình để nói về quê mình”, Y Phương chọn lọc những gì tinh hoa mà cũng gần gũi nhất để đưa lên trang viết.

Đề khắc họa một không gian văn hóa Tày, ngòi bút Y Phương tập trung miêu tả những ngày lễ Tết, giới thiệu các phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian, đặc sản vùng miền, cảnh sắc thiên nhiên, địa danh văn hóa... Thế nhưng, ông luôn gắn mọi yếu tố ấy với nhân tố quyết định là con người. Chỉ sự tồn tại của con người mới làm nên hơi thở sự sống của một không gian văn hóa. Và cũng chính con người giữ vai trò quyết định trong việc lưu giữ, bảo tồn và phát huy vốn tinh hoa dân tộc. Y Phương đã viết về các nhà văn đã làm nên tên tuổi cho văn học vùng núi phía Bắc như Vi Hồng, Pờ Sảo Mìn, Lò Ngân Sủn... Ông cũng kể những câu chuyện về người thân quen ruột thịt, về cha mẹ mình, về lối sống gia đình mình. Nhưng quan trọng hơn cả, Y Phương không bao giờ quên những phận người bé nhỏ vô danh, những người đã sinh ra, lớn lên và ra đi một cách lặng thầm nhưng tấm lòng của họ, lối nghĩ và cách sống của họ là những ghi khắc vô hình các giá trị văn hóa vào dòng chảy không ngừng nghỉ của thời gian.

Thơ Y Phương thể hiện sự đôi mới không ngừng trong ý thức điều hòa quan hệ giữa lý trí và tình cảm, giữa cái riêng của cộng đồng dân tộc Tày và cái chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà thơ nhận ra:

*“Tôi có một dòng suối mơ
Ra biển lớn vẫn chưa bằng lòng
Bạc đầu sóng không một ngày ngơi nghỉ
Cả cuộc đời vắn mình sinh nở
Chảy mãi hoài vào người”*

(Tôi có một dòng suối)

“Dòng suối mơ” ấy phải chăng là bản sắc văn hóa Tày, là cội nguồn, truyền thống dân tộc?. Dòng chảy đó cứ mãi tuôn trào, chưa một ngày ngưng nghỉ trong lòng nhà thơ. Sự tự ý thức về cội nguồn dân tộc còn được thể hiện trong nhiều bài thơ khác như: *Con đường núi, Tên làng, Câu hát tháng giêng,*

Lời ru của bà... Nhà thơ không chỉ ý thức được việc cần phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Tày, mà ông còn chủ động tìm kiếm, hướng tới việc hòa nhập giữa bản sắc văn hóa Tày với bản sắc văn hóa Việt.

Thật vậy, Y Phương là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Ông sáng tác với những suy nghĩ, quan niệm sâu sắc về trách nhiệm của người cầm bút. Thơ ông hấp dẫn độc giả bởi sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, bởi những tình cảm đẹp về quê hương, về truyền thống dân tộc luôn tỏa sáng lấp lánh trong từng bài thơ.

1.2.3. Khái quát về thơ tình yêu của Y Phương

Từ lâu, tình yêu luôn là đề tài muôn thuở trong thi ca và là nguồn cảm hứng bất tận của thi sĩ. Cuộc sống có biết bao sắc màu thì tình yêu có bấy nhiêu màu sắc. Sự biến hóa khôn lường của tình yêu khiến ta có khi nhớ nhung, đau khổ, lúc tuyệt vọng, chán chường nhưng lại có lúc sảng vui và hạnh phúc vô tận. Con người sinh ra là để yêu thương và được yêu thương. Và thi nhân cũng thế, họ cũng có tình yêu như bao người khác. Họ không vay mượn cảm xúc để họa nên những vần thơ mà ngược lại, họ đã vắt cạn con tim mình để sáng tạo ra những vần thơ ấy. Chính vì lẽ đó mà có biết bao bài thơ tình đến hôm nay vẫn còn tồn tại mãi với thời gian và lưu lại trong mỗi chúng ta niềm xúc cảm sâu xa.

Y Phương cũng vậy, ông sáng tác thơ tình yêu bằng cả trái tim của mình, bằng thứ tình cảm chân thành nhất. Đây là mảng đề tài xuất hiện với tần số ngày càng dày đặc trong các tập thơ của ông. Khảo sát 6 tập thơ mà nhà thơ đã xuất bản theo thứ tự thời gian từ trước đến sau, chúng tôi thu được kết quả:

| STT | Tên tập thơ | Số lượng bài thơ viết về đề tài tình yêu | Tỉ lệ (%) |
|-----|-----------------------|--|-----------|
| 1 | Tiếng hát tháng Giêng | 8/28 | 28,5 |
| 2 | Lời chúc | 12/34 | 35,3 |
| 3 | Đàn then | 15/40 | 37,5 |
| 4 | Thơ Y Phương | 62/112 | 55,4 |
| 5 | Ngược gió | 25/44 | 56,8 |
| 6 | Vũ khúc Tày | 80/108 | 74,1 |

Đọc thơ tình yêu Y Phương, ta thấy hiện lên một bức tranh thiên nhiên miền núi vừa hùng vĩ, dữ dội vừa trữ tình, thơ mộng. Trên cái nền thiên nhiên ấy, con người miền núi khi yêu được khắc họa với vẻ đẹp của đức hy sinh, của khả năng vượt qua trở ngại, thử thách khi yêu, của sự thủy chung, son sắt... Từ những bài thơ tình yêu, Y Phương gửi đến độc giả nhiều triết lý nhân sinh sâu sắc. Đó là những triết lý không mới nhưng cũng đủ khiến mỗi chúng ta giật mình bởi dường như ta đang tìm thấy mình trong đó.

Bên cạnh những giá trị về mặt nội dung, thơ tình yêu Y Phương còn hấp dẫn độc giả bởi những đặc sắc về mặt nghệ thuật. Nhà thơ đã xây dựng cho mình một hệ thống những biểu tượng nghệ thuật độc đáo. Đó là những biểu tượng tượng trưng cho "anh", cho "em", cho các cung bậc tình yêu như: Sông, bếp lửa, mặt trăng, mặt trời, đá... Ngoài ra, ngôn ngữ nghệ thuật thơ tình yêu Y Phương cũng có nhiều điều thú vị. Các từ loại được ông chọn lọc và sử dụng một cách tinh tế. Đó là các động từ hướng nội, là các tính từ chỉ màu sắc với gam nóng, rực rỡ, là các danh từ chỉ sự vật, hiện tượng. Các thủ pháp nghệ thuật như: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp cấu trúc... cũng được vận dụng một cách linh hoạt khiến mỗi bài thơ như được thổi hồn, có sức sống cùng năm tháng. Hơn thế nữa, giọng điệu nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương mang màu sắc đa thanh: đó là giọng điệu ngợi ca, tự hào trong các bài thơ được sáng tác khi nhà thơ còn trẻ, đó là giọng điệu hoài niệm, tiếc nuối, giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý xuất hiện nhiều trong các bài thơ ra đời khi nhà thơ bước sang tuổi xế chiều.

Tiểu kết:

Y phương là tác giả có nhiều trăm trở về sáng tác văn chương. Ông có những "*tuyên ngôn*" thể hiện rõ quan điểm nghệ thuật của mình. Những quan điểm ấy đã thể hiện được ý thức, trách nhiệm và khát vọng của nhà thơ. Bằng hình thức vừa truyền thống vừa hiện đại, nội dung phong phú, hấp dẫn, thơ Y Phương đã khẳng định được vị trí, sự độc đáo trong dòng chảy văn học thiếu số Việt Nam hiện đại.

Thơ tình yêu xuất hiện với tần số ngày càng dày đặc trong các tập thơ của ông. Với Vũ khúc Tày – tập thơ song ngữ ra đời gần đây nhất, thơ tình yêu chiếm tỉ lệ lên đến 74,1%. Qua năm tháng cho đến nay, các bài thơ tình đã khẳng định được vị trí và giá trị của mình. Khám phá thơ tình yêu Y Phương sẽ góp phần không nhỏ trong việc giải mã và khẳng định cá tính sáng tạo cũng như phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

Chương 2:
NHỮNG ĐẶC SẮC Ở PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG
TRONG THƠ TÌNH YÊU Y PHƯƠNG

2.1. Bức tranh thiên nhiên, bản làng miền núi trong thơ tình yêu Y Phương

Y Phương yêu quý đến độ đắm say vẻ đẹp của thiên nhiên nơi ông sinh ra và lớn lên. Trong các bài thơ viết về tình yêu, thiên nhiên được nhà thơ khám phá với nhiều dáng vẻ khác nhau. Ông tỏ ra rất say xưa trong việc miêu tả phong cảnh thiên nhiên vùng núi cao với vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội, hoang sơ, hiểm trở nhưng cũng rất mực diễm lệ, thơ mộng, trữ tình. Bức tranh thiên nhiên ấy chính là tấm gương soi cho tâm trạng của con người miền núi khi yêu, tâm trạng nào thì thiên nhiên đó giống như khẳng định của Nguyễn Du: “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*” (Truyện Kiều). Và cũng nhờ có tình yêu, bức tranh ấy trở nên độc đáo và kì diệu hơn với những nét vẽ uyển chuyển về hình ảnh, âm thanh, màu sắc, hương vị.

2.1.1. Bức tranh thiên nhiên, bản làng thơ mộng trong thơ tình yêu Y Phương

Khung cảnh thiên nhiên mảnh đất Cao Bằng được hiện lên với những nét thơ mộng, tinh khôi. Đọc thơ Y Phương, ta như lạc vào một thế giới cổ tích, ở đó có cây cối, chim muông, có hoa thơm, trái ngọt, có những mùa lúa chín vàng...Cảnh sắc ấy là nơi tình yêu đơm hoa kết trái, là không gian hẹn hò lý tưởng nâng cánh cho tình yêu cập bến bờ hạnh phúc.

Còn gì tuyệt vời hơn việc mỗi chiều xuân được ngắm em gái chăn bò bên đồi hoa sim bạt ngàn sắc tím:

Hỡi người em gái nhỏ

Chăn con bò nhỏ

Chiều xuân

Bên đồi hoa sim

Em thơm như cỏ

(Con bò)

Em nhỏ bé bên đồi sim tím rộng lớn. Anh lặng lẽ tìm một góc khuất ngấm em_cô gái chẵn bờ. Để rồi, anh phát hiện ra, em “*thơm như cỏ*”. Hương sắc của em đã hòa với hương sắc thiên nhiên, đất trời. Có lẽ, cái “*hương đồng gió nội*” thoát ra từ em ấy sẽ theo anh suốt cuộc đời này. Và nhờ có tình yêu, hương thơm ấy mới xuất hiện mộc mạc và đắm say đến thế.

Cảnh sắc thiên nhiên đẹp nhất khi vào mùa xuân. Nếu như Dương Thuần say sưa giới thiệu vẻ đẹp mùa xuân quê mình qua màu sắc hoa mạn, hoa mơ bung nở làm bừng sáng cả khung cảnh núi rừng: “*Mùa xuân lại đến với non ngàn bao la/Dọc thung trời trắng hoa mạn hoa mơ*” (**Mùa xuân bản Hon**) thì Y Phương lại có cách mô tả rất riêng:

Tết đến nhà

Lá vừa thơm

Hoa vừa non

Quả vừa giòn

Con cái nhà ai đi ngang qua e thẹn

.... ..

Tết ở lại

Mưa sương như hoa rơi

Trời dần ấm

Rừng đào ló ló nụ

Khuôn mặt cười

(Mặt hồng cười)

Mới hôm nào chàng Đông còn đứng đó với gió lạnh và rét run, không ước hẹn nàng Xuân vẫn trở mình thức dậy, mang rộn ràng vang vọng bước thời gian. Xuân đến được đánh dấu bằng sự thay đổi của lá, hoa, quả. Tất cả đều “*vừa*” đến độ đẹp nhất, ngon nhất. Và xuân cũng là khoảng thời gian mà những trận mưa phùn cứ kéo dài, dài mãi để chuẩn bị cho sự hồi sinh của cây cối, muôn loài. “*Mưa sương*” rơi tấp nập như những cánh hoa xoan,

hoa ban lia cành bay phấp phới trong gió xuân nhè nhẹ. Đặc biệt hơn cả, có một nét vẽ làm bừng sáng cả bức tranh mùa xuân ấy, đó chính là hương sắc của rừng đào đang "ló lé" nụ. Nếu như ở dưới xuôi, ta bắt gặp những cây đào riêng lẻ hoặc cùng lắm là một vài vườn đào nhân tạo thì ở nơi đây ta sẽ thấy đã mắt khi được nhìn ngắm những cánh rừng hoa đào ngút ngát xa tít chân trời. Vào mùa đông, rừng đào trút lá chỉ còn lại những cành cây khẳng khuru mà thoáng nhìn ta tưởng như nó đã chết. Nhưng không, xuân đến, cánh rừng khô khan ấy bừng lên một sức sống mới, một vẻ đẹp rạng ngời của những nụ hoa, cánh hoa, của những mầm non xanh biếc. Bức tranh thiên nhiên đầu xuân ấy trở nên đẹp hơn bởi một nét chấm phá độc đáo của Y Phương. Đó là hình ảnh những cô gái mới lớn xuất hiện e thẹn, duyên dáng cùng mùa xuân. Và họ cũng chính là biểu tượng của mùa xuân vùng cao.

Thiên nhiên vào cuối mùa xuân cũng mang một vẻ độc đáo:

Tháng ba quê tôi

Núi ra hoa

Cây ra lộc ra cành

Đàn bà ra bầu

Đàn ông ra râu

Đá vật mình đê mê ngán nước

Tháng ba quê tôi

Tháng ba tung bùng

Đất trời gieo tương lai vào giống cái

(Bài hát tháng ba)

Tháng ba, xuân đã chuẩn bị lùi bước về nghỉ ngơi nhường chỗ cho hè tới. Đó cũng là lúc cảnh sắc thiên nhiên đẹp nhất, rực rỡ nhất. Núi rừng được bao phủ bởi gam màu sắc sỡ của hoa, lá, cành. Đó cũng là mùa sinh sôi nảy nở của vạn vật, trong đó có cả con người, là lúc người ta yêu nhau, tìm đến với nhau, về chung một nhà để thực hiện thiên chức quan trọng nhất trong cuộc đời đó là sinh con, đẻ cái.

Ta cũng từng bắt gặp bức tranh thiên nhiên cuối xuân trong thơ Lò Ngân Sủn:

*Mây mặc áo trắng
Nắng mặc áo vàng
Rừng mặc áo xanh
Núi đội nón mây
Gió quây hương hoa*

(Lò Ngân Sủn – Đường dốc)

Và đây, thiên nhiên cuối xuân trong thơ Pờ Sảo Mìn:

*Lá cây mai mọc dài xanh biếc
Hoa rừng toa hương bay
Bầy ong mật ngát ngây*

(Pờ Sảo Mìn – Mắt rừng xanh)

Điểm giống nhau khi mô tả bức tranh thiên nhiên cuối xuân trong thơ tình yêu Y Phương với thơ của các nhà thơ Dân tộc thiểu số khác đó là nó đều được hiện lên với sự rục rờ, lộng lẫy, đầy sức sống qua những nét vẽ tinh tế, sắc sảo. Cái đặc sắc, làm nên cá tính sáng tạo của Y Phương ở đây đó là nhà thơ đã đem tình yêu đôi lứa vào đó để tôn bức tranh thiên nhiên ấy nên, khiến cho nó mang một vẻ đẹp độc đáo và kì diệu.

Xuân qua, hè tới, mảnh đất Trùng Khánh được bao phủ bởi gam màu vàng rục của những cánh đồng lúa chín:

*Gánh lúa vàng
Nghít ngát gánh lúa vàng
Cánh đồng khòe
Những bắp chân đàn bà
Pặp pặp dội về làng
Bỏ lại cánh đồng
Gió hoang*

(Gió hoang)

Mùa thu hoạch lúa đã tới, những người đàn bà với "bắp chân" to khỏe gánh trên vai mình những gánh lúa chín vàng từ cánh đồng trở về làng. Khung cảnh thật đẹp, gợi lên sự no đủ, bình yên nơi làng quê ấy.

Buổi sáng mùa hè hiện lên trong thơ tình yêu Y Phương cũng không kém phần thơ mộng:

*Thấp thoáng nhà khép hờ
Sương mờ man quanh hồ
Mặt trời long lanh tươi
Ta ngồi nhâm nhi ai
Tia nắng sớm rong chơi
Loang loang mây ngang trời
Sao lòng ta bồn chồn
Bồn chồn quá người ơi*

(Ninh nhớ)

Những ngôi nhà thấp thoáng ẩn mình trong khe núi với cửa "khép hờ", những hạt sương rơi từ đêm vẫn còn "mờ mờ" đọng lại quanh hồ, mặt trời bắt đầu ló rạng long lanh với những tia nắng sớm mãi chơi len lỏi khắp bản làng, mây "loang loang" ngang trời. Một khung cảnh thật đẹp và nên thơ. Khung cảnh ấy khiến con người không khỏi bồn chồn nhớ nhung. Thật lý tưởng khi ngồi "ninh nhớ" vào những buổi sáng mùa hè như thế.

Vẫn là sáng sớm mùa hè, nhưng trong bài "Đàn chim trắng", Y Phương lại có những nét vẽ mới mẻ:

*Sớm nay khẽ mở cửa ra
Giàn mướp hương rung rinh đài hoa
Con ếch cồm vọt bơi rinh rích
Ngọn gió nồm chày quanh người xanh mướt
Thung lũng em như chìm lặng yêu thương*

(Đàn chim trắng)

Còn gì tuyệt vời hơn khi mỗi sáng sớm thức dậy, ta khẽ mở cửa và bắt gặp sự sinh sôi, nảy nở của muôn loài: Giàn mướp với những đài hoa rung rinh trước gió chuẩn bị đơm hoa kết trái, những chú ếch côm bơi rinh rích dưới ao nhà chuẩn bị cho một mùa sinh nở. Trong cái nóng bức của mùa hè, những ngọn gió nồm không quên nhiệm vụ của mình. Thỉnh thoảng, nó xuất hiện làm dịu mát tất cả. Để rồi, "*thung lũng em*" đầy những yêu thương.

Nếu như sáng sớm hè được mô tả với vẻ đẹp rực rỡ, náo nhiệt của muôn loài thì khung cảnh đêm hè lại mang vẻ đẹp tĩnh lặng: *Trên đầu ta/Trăng khe khẽ sáng/Sương khe khẽ lắng/Mây khe khẽ trôi/Dưới lưng ta/Chiều khe khẽ thở/Trong ngực ta/Khe khẽ người* (**Lặng lẽ đêm**). Trăng, sương, mây là những đặc trưng riêng có của đêm hè. Tất cả đều hoạt động một cách "khe khẽ": Trăng sáng nhẹ nhàng, sương dịu dàng lắng đọng, mây trôi chậm chậm. Dường như, chúng không muốn phá hỏng cái không gian tĩnh lặng của đêm hè. Trước cái lặng lẽ của đêm ấy, con người không khỏi bồi bồi nhớ nhung về một nửa yêu thương.

Có lúc, khung cảnh nên thơ của dòng sông với hàng tre xanh mát hai bên bờ cũng là nơi hò hẹn lý tưởng chấp cánh cho tình yêu đôi lứa:

Chúng tôi lớn lên hai triền sông Hiến

Chỗ hàng tre vừa đủ lá đan sàng

(Sông Hiến đang yêu)

Sông Hiến, dòng sông hiền hòa chảy qua mảnh đất Cao Bằng không ít lần xuất hiện trong thơ tình yêu Y Phương. Dòng sông gắn liền với tuổi trẻ, với những khát khao yêu và được yêu của nhà thơ. Cùng viết về đề tài này, nhà thơ Dương Thuấn cũng có hình ảnh một dòng sông Năng dạt dào kỉ niệm: "*Tôi và em yêu nhau rồi xa quê/Bây giờ mỗi đêm nằm lại nghe tiếng sóng*" (**Hát với sông Năng**).

Ngoài ra, ta còn bắt gặp những bức tranh bản làng thơ mộng, trữ tình trong thơ tình yêu Y Phương. Đó là hình ảnh những ngôi nhà ấy được đặt ở một miền quê còn nghèo khó nhưng khung cảnh rất nên thơ, trữ tình:

*Mùa thu tới làng rồi
Ta về nhà ta thôi
Nhà ta ở chân đồi
Có con suối nước gày
Chảy lè phè chân rạ
Có con đường đất đỏ
Xuyên qua như sợi chỉ
Khâu tình yêu đời người*

(Ta về nhà ta thôi)

Nếu như ở thành phố, nhà cửa mọc lên san sát với những con đường quốc lộ to rộng thì ở bản làng Trùng Khánh, nhà thường được dựng lên ở chân đồi, nơi có dòng suối nhỏ bé, mát lạnh với những con đường đất chỉ đủ người đi nhỏ như "sợi chỉ". Tất cả tạo nên một khung cảnh nguyên sơ, tĩnh lặng, đậm chất núi rừng. Khung cảnh ấy là nơi hẹn hò lý tưởng chấp cánh cho tình yêu đôi lứa, chính nó là đã "khâu" nên những mối tình đẹp, những tình yêu "đời người".

Không gian của những ngôi nhà hạnh phúc được hiện lên với những nét vẽ lãng mạn, thơ mộng. Ở đó có đầy yêu thương và sẻ chia. Họ cùng nhau cúi nhặt những "hạt gạo" vương vãi nơi nền nhà để vun đắp, dựng xây tổ ấm của mình. Cho dù cuộc sống có bộn bề với những khó khăn chồng chất, với nỗi lo cơm, áo, gạo, tiền họ vẫn bên nhau và cùng nhau vượt qua tất cả:

*Em ơi em
Ta cùng cúi nhặt
Từng hạt gạo vương vãi trên nền nhà
Ngôi nhà ngàn ấy năm
Ta nhốt ta*

(Tình yêu càng cho càng đầy)

2.1.2. Bức tranh thiên nhiên hoang sơ, dữ dội trong thơ tình yêu Y Phương

Bên cạnh khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình, trong thơ tình yêu Y Phương còn xuất hiện những khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ, dữ dội, tráng lệ.

Trong thơ ca dân tộc thiểu số, xuất hiện rất nhiều hình ảnh những cơn gió được miêu tả với sự dữ dội đến khắc nghiệt khiến ta cảm thấy sờn gai ốc:

Gió lồng lên như ngựa thét tung vó

Gió gầm lên như sấm sét ầm ầm

(Lò Ngân Sủn – Người đẹp)

Gió lạnh hú bên bãi tha ma

(Mắt rừng xanh – Pờ Sảo Mìn)

Hình ảnh gió trong thơ tình yêu Y Phương cũng mang những nét vẽ tương tự như thế. Tuy nhiên, điểm khác biệt ở đây là nhà thơ đã mượn hình ảnh gió để nói đến tình yêu đôi lứa. Ông mô tả những cơn gió hoang dữ dội, ào ào xoắn vào nhau trên cánh đồng lúa vừa thu hoạch để nói lên cái mãnh liệt của tình yêu. Giống như cơn gió hoang, các chàng trai, cô gái khi yêu cứ "cuốn", "xoắn", "cắn" vào nhau mãi không thôi:

Gió đực cuốn gió cái

Xoắn vào nhau

Cắn vào nhau

Đã đời cơn khát

Gió hoang tan nhanh vào gốc rạ

Thai những mùa sau

(Gió hoang)

Đôi khi, thiên nhiên Cao Bằng hiện lên rất chân thực:

Khi soi gương thấy mờ mờ những núi

Những đồi

Những lúp xúp cỏ cây

*Lúp xúp hoa
Những lúp xúp người
Người như hoẵng như nai trèo lên tụt xuống
Dưới tán em lua nhua ngàn con vắt*

(Vía)

Hình ảnh núi đồi được miêu tả với cỏ cây, hoa lá và nai hoẵng. Tất cả đều lúp xúp, nhỏ bé, mờ ảo. Và ở đó có cả những con vắt lua nhua đến ghê người. Bức tranh ấy đã được nhà thơ ví với "tán em" – một sáng tạo độc đáo của Y Phương.

Nắng mùa hạ cũng là hình ảnh được Y Phương mô tả rất nhiều khi tô vẽ bức tranh thiên nhiên miền núi. Nếu như trong thơ Lò Cao Nhum, nắng được miêu tả với vẻ đẹp dịu nhẹ, thơ mộng: "*Nắng lan lan trải sáng núi đồi*" (**Lên Thung Khe**) thì nắng trong thơ tình yêu y phương lại mang vẻ đẹp chói chang, rực rỡ, hoang sơ. Tình yêu của người miền núi cũng vậy, luôn mãnh liệt, dữ dội:

*Ít nữa sang hè
Mùa nóng rực
Cháy cả cây còn xanh*

(Cháy)

*Cây gạo làng mình bật lửa
Cháy chín tầng trời*

(Cây gạo mùa hè)

Phải chăng cái nắng rực rỡ, "bật lửa" của mùa hè, "cháy cả cây còn xanh" là chất xúc tác khiến tình yêu đôi lứa trở lên mãnh liệt hơn?

Đối lập với nắng là mưa:

*Hàng hàng mưa sầm sập về
Roi rói rít
Roi tung tóe*

Roi vô tình

Roi thăm thăm về phương trời cũ

(Mưa)

Cơn mưa xuất hiện thật nhanh và dữ dội với những giọt mưa rơi sầm sập, rối rít, tung tóe khắp nơi. Giọt mưa rơi vô tình ấy đã khiến nhân vật trữ tình gợi nhớ về một phương trời cũ với thăm thăm yêu thương. Hẳn là nơi ấy đã từng có một câu chuyện tình rất đẹp nhưng giờ hai người không còn là của nhau nữa.

Chốn rừng sâu với những đêm dài hun hút là không gian được Y Phương không ít lần nhắc tới:

Đêm bên này có khác gì đêm bên kia

Người nằm ngủ bên đây có khác gì người nằm ngủ bên này

Đêm hun hút

Đêm vô tình

....

Vài phút nữa người vào chốn rừng sâu

Không khói bụi ồn ào phố xá

(Gửi người vào chốn rừng sâu)

Đêm nơi chốn rừng sâu khác hẳn với đêm nơi thành phố. Nó mang một vẻ hoang vắng, tĩnh lặng mà không nơi nào có được. Không gian ấy khiến người ta trầm trồ, băn khoăn nghĩ về một người trong mộng nào đó.

Bãi đất hoang cũng là nơi hẹn hò cho những mối tình muộn màng: *Ta trốn nhà/ Ra nơi hò hẹn/ Nơi hò hẹn bãi gò hoang/ Ở hời la/Ta về nhà ta/Em về nhà em/Bãi gò hoang trở thành bãi đá/Ngõn ngang/Đất cát/Trên đất cát/Nảy loài hoa bất tử (Hoa bất tử)*. Bãi đất bỏ hoang với ngõn ngang đất cát đã trở thành mảnh đất nảy ra loài hoa bất tử. Loài hoa ấy chính là tình yêu đích thực, thứ tình yêu chân thành vượt qua mọi khoảng cách, mọi ranh giới của cuộc sống hàng ngày.

Đôi khi, những vùng rừng núi đá cũng được nói đến như là một đặc trưng riêng có của mảnh đất Cao Bằng. Ở đó, đá chồng chất lên nhau tạo thành những lớp, những tầng, lô nhô như sóng thủy triều ở miền biển:

Dẫn em qua một vùng rừng đá

Đá lô nhô như sóng triều dâng

(Tiếng hát thánng giêng)

2.2. Hình ảnh con người miền núi trong thơ tình yêu Y Phương

2.2.1. Con người miền núi trong nỗi nhớ người yêu

Tình yêu luôn là nỗi nhớ mong da diết. Với Lò Ngân Sủn, nỗi nhớ được hiện lên cụ thể như nhìn thấy được, nắm được bởi nó được hình dung như "quả nhớ". "Quả nhớ" ấy nằm ở mọi nơi, mọi chốn trên tất cả cơ thể rục rịch của người con trai miền núi:

"Quả nhớ ở trong ngực

Quả mong ở trong tim

Quả nhớ bằng trái núi

Quả mong bằng quả trời"

(Lò Ngân Sủn – Con của núi)

Còn với Y Phương, ông có cách ví von nỗi nhớ rất đối bình thường, giản dị mà độc đáo, đặc sắc: *"như chim nhớ tổ"*. Cho dù có cố gắng dùng lý trí để kiềm chế nhưng vẫn không thể bởi trái tim nhưng nhớ có sức mạnh lớn hơn rất nhiều. Cảm giác nhớ nhưng khiến cho nhân vật trữ tình chỉ có một ao ước tốt cùng là được gặp, được hôn lên môi người mình yêu cho thỏa nỗi lòng: *Lúc này/Anh nhớ em như chim nhớ tổ/Anh cảm lòng mình/Còn biết làm gì nữa/Em bay/Trời trong/Mây xanh/Anh mong em mau mau trở về/Không cười tươi cũng được/Chỉ cần em/Hiện ngay trước mặt/Chìa môi cho anh hôn* **(Em trước mặt).**

Trong bài thơ **Xé**, nỗi nhớ của người miền núi thật độc đáo: *Ta nhớ em đến chín/Ta nhớ em đến sóng/Ta quên mình đang thai/Ta yêu em sớm mai/Ta*

*yêu em chiều tà/Ta yêu em trùng điệp/Yêu như giông tới tấp/Ta xé thịt bắp
đùi/Ta dâng lên em yêu (Xé).* Nỗi nhớ trong tình yêu của họ thật khác thường,
thật da diết, mãnh liệt, cháy bỏng: nhớ "đến chín", "đến sống" . Anh yêu em
đắm say đến mức luôn nhớ về em, nghĩ về em, yêu em mọi lúc, mọi nơi cho
dù đó là sớm mai hay chiều tà. Tình yêu ấy càng lúc càng dữ dội, càng lúc
càng tới tấp như giông bão. Để rồi cuối cùng, "ta" sẵn sàng dâng hiến cả thân
thể của mình cho người yêu.

Bài thơ dưới đây cũng mang vẻ đẹp tương tự như thế:

Sáng

Trời dùng đục mây buồn

Tiếng giao khẽ qua ngõ

Ta ngồi nhâm nhi nhớ

... ..

Trưa

Ai đổ nước đầy trời

Ta ngồi nhìn nỗi nhớ

(Ninh nhớ)

Nỗi nhớ người yêu được mô tả bằng động từ đặc sắc "*ninh*". Ta thường
nghe nói đến "*ninh xương*" chứ chưa bao giờ nghe nói đến "*ninh nhớ*". Y
Phương có cách diễn tả thật độc đáo, giúp người đọc hình dung ra nỗi nhớ
người yêu da diết, cứ kéo dài, dài mãi của nhân vật trữ tình. Và đôi khi, nỗi
nhớ ấy lớn đến mức làm nghiêng ngả cả trái đất:

Một người nhớ một người

Làm trái đất nghiêng

Cả nhân loại không hay biết.

(Trái đất nghiêng)

Nỗi nhớ luôn là âm thanh ngân vang, là sức nóng đến cháy bỏng tâm
can, là sức mạnh cuộn cuộn của dòng thác lũ. Bởi yêu là hết mình nên sự
vắng mặt của người mình yêu là màn tra tấn dã man nhất:

*Đêm nay
Vẳng đứng một người
Thế giới âm thanh câm
Ngày mai
Vẳng đứng một người
Thế giới sắc hình mù
Ta lên giường giả vờ ngủ
Giấc mơ vò nát chăn chiếu*

(Đêm xanh)

Thế giới này đẹp hơn, có sức sống hơn bởi những âm thanh sôi động, bởi sự nảy nở, phát triển của vạn vật. Thế giới của chúng ta đã và đang tồn tại như thế. Nhưng khi bước chân vào cánh cửa của tình yêu, chỉ cần vẳng nửa kia một ngày, một đêm thôi, họ đã cảm thấy dường như cả thế giới đang sụp đổ: Thế giới âm thanh thì "câm", thế giới sắc hình thì "mù". Trong đầu chàng trai, cô gái lúc bấy giờ không tồn tại bất cứ điều gì ngoài hình bóng của người yêu. Dường như họ đang điên loạn. Để thoát khỏi tình trạng đó, họ lên giường tìm đến giấc ngủ nhưng sao quên được những khắc khoải nhưng nhớ bởi "*Giấc mơ vò nát chăn chiếu*".

Như vậy ta thấy, nỗi nhớ trong tình yêu của người miền núi hiện lên thật mãnh liệt, dữ dội. Và nỗi nhớ ấy được Y Phương diễn tả một cách độc đáo, sáng tạo. Có lẽ chính điều này đã góp phần không nhỏ trong việc tạo nên phong cách nghệ thuật thơ tình yêu Y Phương

2.2.2. Con người miền núi thủy chung, sẵn sàng vượt qua trở ngại thử thách trong tình yêu

Những chàng trai, cô gái miền núi còn rất thủy chung trong tình yêu:
Hôm nay/ Đi trên đường gặp rất nhiều cây/Cây rất nhiều hoa/Hoa rất nhiều quả/Và/Rất nhiều rất nhiều cỏ lạ/Ta chỉ nhớ/Ở nhà /Có một cây mào mạt/Mỗi lá treo một mắt/Trông theo ta/Ngóng theo ta/Nghe theo ta/Ta chỉ nhớ/Ở

nhà/Có một cây mác mật....(Nhớ cây mác mật). Đi ra ngoài có biết bao "hoa thom cỏ lạ" với nhiều mới mẻ, hấp dẫn nhưng khi đã yêu họ chỉ nghĩ đến "cây mác mật" bình thường, giản dị mà đầy hữu ích ở nhà mà thôi. Tất cả mọi cảm bầy, cảm dỗ bên ngoài đều không thể làm lung lay tình yêu và nỗi nhớ của các chàng trai, cô gái dành cho nhau. Và người ở nhà cũng vậy, luôn nhớ về người đi xa. Tác giả ví mỗi lá "cây mác mật" là một mắt trông theo, ngóng theo và chờ đợi người đi xa trở về.

Họ mãi chung thủy với người mình yêu, dù ở đâu, dù ở thời điểm nào, dù xa hay gần, dù đang làm công việc gì, dù bận bịu hay nhàn dỗi, họ vẫn nghĩ về nhau: *Cây gạo làng mình bật lửa/Cháy chín tầng trời/Hạt com vì sao/Dù ở nơi nào/Anh cũng thấy em/Mùa hè/Cánh đồng lấm má/Hạt bùn đồng tiên/Em đi cấy/Lung như chùm quả/Nắng trên em trượt ngã/Vàng trắng mặt trời lao xao/Dù ở nơi nào/Anh cũng thương em/Mùa hè/Con chim vút vút/Tiếng chim nghe đơn độc/Óc ách bờ ao/Dù ở nơi nào/Anh cũng yêu em/Mùa hè/Đá như người/Rịn mồ hôi muối/Em lên rừng hái củi/Bỏ thư anh trong túi/Lúc nào em cũng gần anh (Cây gạo mùa hè)*.

Người miền núi là vậy, khi đã yêu, họ chỉ yêu một người mà thôi. Và người ấy sẽ ở trong trái tim và khối óc của họ trong suốt cuộc đời này. Dù có thể nào đi chăng nữa, họ vẫn luôn chung thủy với người mình yêu.

Trong cuộc sống, ai cũng mong ước có một tình yêu phẳng lặng, không có sóng gió, nhưng đó là quy luật tất yếu của tình yêu. Bởi vậy, có rất nhiều nhà thơ viết về những trở ngại, thử thách của đôi lứa khi yêu. Đọc thơ tình yêu Y Phương ta cũng bắt gặp điều đó. Tuy nhiên, điểm đặc biệt trong thơ ông đó là nhà thơ để cho nhân vật trữ tình cảm thấy cần những thử thách ấy bởi đó là cách chứng minh tình cảm của bản thân một cách chân thực nhất: *Mùa đông ư?/Ta đang cần/Mưa rét ư?/Ta đang cần/Bão tuyết ư?/Ta đang cần/Tất cả để thử lòng/Ngược mùa đông ta đi yêu em (Ngược đông)*. Mùa đông với mưa rét, bão tuyết sẽ chẳng thể cản được chàng trai tìm đến với cô

gái. Khi đã yêu, mọi thử thách đều trở nên thú vị bởi vượt qua thử thách tình yêu sẽ đẹp hơn. Tất cả đều chỉ để thử lòng, để kiểm chứng tình cảm mà thôi. Chàng trai sẵn sàng "ngược dòng" để yêu cô gái.

Những bức tường cản trở đôi lứa yêu nhau không bao giờ đạt được ý nguyện của mình. Dù biết rằng mối tình ấy không bao giờ đạt được kết quả nhưng họ vẫn yêu. Chỉ một câu chuyện "đi tìm" thôi, nhưng chàng trai Tày của Y Phương lại hiện lên thật đẹp:

Nhà anh ở miền Đông

Nhà em ở miền Tây

Từ anh sang em

Đi hồng đôi giày

... ..

Mặt trời cũng một mình

Đi tìm

Mặt trăng

(Đi tìm)

"Nhà anh" và "nhà em" xa nhau lắm, một ở miền Đông, một ở miền Tây. Đây không chỉ là cái xa về khoảng cách địa lý mà còn là khoảng cách về thân phận, về tài năng, về địa vị. Sự so sánh ngầm ở đây tuyệt đẹp và kì vĩ: anh cũng là mặt trời đi tìm em là mặt trăng.. Chúng ta cứ mãi miết đuổi theo nhau, tìm kiếm nhau nhưng chẳng thể gặp nhau, chẳng thể nên duyên vợ chồng. Dẫu vậy, khi đã yêu là đắm say, là hết mình, kết quả như thế nào không còn quá quan trọng nữa, điều quan trọng là họ đã cố gắng hết mình để tìm đến với nhau.

Bài thơ **Cháy** thêm một lần nữa khẳng định tình yêu của người miền núi không có khoảng cách, không có sự toan tính: *Anh có gia đình rồi, em không biết sao?/ Dạ! Em biết/ Anh bao nhiêu tuổi rồi, em không biết sao?/ Dạ! Em biết/ Anh yêu một rồi, em không biết sao?/ Dạ! Em biết/ Em*

biết?/Vâng! Em biết từ lâu rồi/Thế...sao/Anh ơi! Con tim em mù lòa/Con tim em lỏng lẻo bấy ngựa hoang/Đạp toi bời trên cánh đồng anh/Làm sao bây giờ? (Cháy). Anh đã có gia đình, đã nhiều tuổi, đã "yêu mệt". Em biết tất cả những điều đó. Nhưng em vẫn cứ yêu anh. Tại sao ư? Đó là bởi, khi đã yêu là phải cháy hết mình. Tình yêu khiến con tim mù lòa. Dù biết yêu anh là sai, là thiệt thòi cho mình nhưng em không biết phải làm như thế nào bởi con tim đã trót loạn nhịp.

2.2.3. Con người miền núi hồn nhiên, mãnh liệt trong tình yêu và tình dục

Xuân Diệu-ông hoàng của thơ tình đã từng khẳng định: "*Làm sao sống được mà không yêu/không nhớ, không thương một kẻ nào*". Tình yêu là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc đời mỗi người. Khi yêu, người ta thường dành hết thời gian, sức lực, trí tuệ...cho người mình yêu. Với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng núi cao quen "nói ít làm nhiều", tình yêu của họ lại càng dữ dội hơn bao giờ hết. Đó là lý do mà hình ảnh con người miền núi đắm say, mãnh liệt trong tình yêu được lên trong hầu hết các bài thơ tình của những nhà thơ có tên tuổi.

Đọc thơ Dương Thuấn, ta gặp hình ảnh một chàng trai có trái tim yêu dữ dội và đầy lãng mạn: "*Gõ vào trái tim anh mang hình em/Hiện lên thành những câu thơ lấp lánh*" (**Đàn gió**). Hình tượng nhân vật trữ tình "anh" luôn mang trong tim mình hình ảnh của cô gái xứ mây vừa cụ thể, vừa xa xôi. Hình tượng ấy là nguồn cảm hứng dạt dào để Dương Thuấn thể hiện thành công hơn 300 bài thơ tình đặc sắc.

Thơ Y Phương cũng không nằm ngoài guồng quay ấy. Trong thơ tình của ông, hình ảnh con người miền núi mãnh liệt khi yêu được mô tả một cách chân thực, tinh tế. Bài thơ sau là một ví dụ:

Ước gì ta là ruồi

Đậu lên mái tóc người ta yêu

Nhỡ...người yêu đập một nhát thì sao

*Chả sao
Yêu dù nát
Đẹp hơn ngọc vỡ*

(Điều ước giản dị)

Với người miền núi, khi đã yêu, họ không ước có nhà cao cửa rộng, vật chất đủ đầy. Điều ước của họ thật đơn giản, mộc mạc: ước được gần gũi, luôn luôn ở bên cạnh người mình yêu. Chỉ như thế đã là quá đủ. Và họ sẵn sàng đánh đổi tất cả cho ước mơ ấy, kể cả mạng sống của mình. Yêu hết mình cho dù có tan nát vẫn đẹp hơn "ngọc vỡ".

Khắc họa hình ảnh người miền núi khi yêu, Lò Ngân Sủn cho ta thấy họ là những con người rất bản năng, mãnh liệt như con sói, con trâu, con hổ, con gấu: "*Anh yêu em/Như con sói đói môi/Như con trâu đói cỏ/Như con hổ đói ăn/Như con gấu đói mật*".

Y Phương cũng có cách so sánh tương tự như vậy:

*Ông già trăm năm cô đơn yêu em như điên
Yêu như gấu đói
Yêu em như hổ khát
Yêu như cuồng phong, yêu như bão táp
Yêu em anh sẵn sàng nhảy vào lửa
Để biết mình có phải vàng ròng*

(Tình yêu trăm tuổi)

Không chỉ mãnh liệt trong tình yêu, họ còn rất bản năng, dữ dội trong tình dục:

*Anh và em
Cùng tùm xuống sông
Nước ôm trọn hai người
Nước râm ran nóng từ ngón chân lên đầu
Bùm bùm hai bên ngực
Xập xòà chúm chúm nhũ*

(Thưởng sống)

Bài thơ đã cho ta thấy các chàng trai, cô gái miền núi yêu say đắm, mãnh liệt, sống thật mình, sống hết mình với những khao khát hoang dại nhưng đầy tính nhân văn, nhân bản. Nguyên nhân của sự mãnh liệt, hoang dại ấy là do họ sống trong những bản làng heo hút, đất rộng, người thưa, thú dữ, giặc giã rình mò. Vì vậy phải con người phải sinh sôi, nảy nở mãnh liệt để sản xuất và chiến đấu, bảo vệ cuộc sống yên bình. Cũng bởi lẽ đó mà Y Phương ngợi ca tình yêu phồn thực. Khi yêu, người miền núi luôn muốn được cháy hết mình trong cảm giác của sự hòa hợp ở mức độ cao nhất đối với người mình yêu. Những khao khát ấy làm nên sức mạnh kì diệu để họ có thể giành quyền chủ động hoàn toàn trong cách thể hiện tình yêu của mình khi "mùa hoa" – mùa của sự sống sinh sôi, mùa của ái ân đến: "*Mùa hoa/Mùa đàn bà/Đủ sức vác ông chồng/Chạy phăm phăm lên núi*" (**Mùa hoa**).

Bài thơ **Hai chiếc xe đạp không chân chống** một lần nữa khẳng định điều ấy: *Hai chiếc xe đạp không chân chống/Dính vào nhau/Và /Không cần khó/Hai chiếc xe đạp không chân chống/Dính chặt nhau/Và không thể gỡ*.

Khao khát yêu và được yêu luôn rục rịch cháy trong tâm hồn mỗi người miền núi. Bởi vậy, Y Phương đã viết bài thơ **Đôi chân** như một lời kêu gọi:

*Giờ còn khỏe ngày nào
Hãy yêu nhau đi
Yêu như ngày mai trời sập
Đừng đắn đo gì hết
Nào chân ơi chân
Hãy gác mau lên đi
Xin đừng bỏ phí*

(**Đôi chân**)

Lo sợ trước sự trôi chảy và sức tàn phá khủng khiếp của thời gian, nhà thơ cất lên tiếng nói từ tận đáy lòng: Hỡi những chàng trai, cô gái miền núi, khi ta còn trẻ, còn khỏe, còn có thể yêu thì hãy cứ yêu hết mình, hãy yêu khi còn còn thể, hãy yêu như thể hôm nay là ngày cuối cùng được yêu.

2.2.4. Con người miền núi giàu đức hy sinh trong tình yêu

Với người miền núi, yêu là sự "đồng cam cộng khổ" trong cuộc sống, là cùng chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn: *Em ơi em/Ta cùng cúi nhặt/Từng hạt gạo vương vãi trên nền nhà/Ngôi nhà ngân ấy năm/Ta nhốt ta(...)/Em ơi em /Tình yêu con đường dài/Càng đi càng biết mình/Càng cho càng đầy mãi (Tình yêu càng cho càng đầy)*. Tình yêu giống như một con đường dài, nếu chỉ đi một đoạn ngắn thì chưa thể biết và hiểu con đường ấy như thế nào. Càng đi xa ta mới càng cảm nhận nó một cách đầy đủ nhất. Con đường tình yêu ấy chứa đựng đầy những khó khăn vất vả nhưng chỉ cần hai người cùng nhau vun đắp hạnh phúc, cùng nhau đón nhận từng "hạt gạo", từng "hạt sáng" vương vãi thì cho dù nó nhỏ bé nhưng cũng đủ để làm ta ấm lên và tiếp tục chinh phục con đường hạnh phúc ấy.

Và yêu không chỉ là "nhận" mà còn là sự "cho" đi bởi tình yêu "càng cho càng đầy": *Một giây bằng một ngày/Một ngày bằng mười năm/Một năm bằng đời người/Ta nghe mệnh mông nói/Sống/Nghĩa là cho/Cho rất nhiều không hề đòi lại/Đó là tình yêu (Sống)*.

"Cho" đi trong tình yêu của chàng trai được thể hiện từ những việc làm nhỏ nhất:

Tự tay anh nhặt rau cho em

Tự tay anh lau mồ hôi cho em

Tự tay anh dọn nhà cho em...

Để hơi thở anh ấm trong từng việc làm, trong từng đồ vật

Dù em đi xa hay về gần

Đều có bóng hình anh

(Sa mạc yêu)

Chàng trai luôn quan tâm, chia sẻ mọi công việc cùng cô gái: nhặt rau, dọn nhà...rồi giúp người mình yêu lau đi những giọt mồ hôi vất vả, lam lũ. Hành động ấy dù nhỏ bé, đơn giản nhưng nó là thứ tình cảm chân thành, nồng

hậu, xuất phát từ một trái tim biết yêu, biết chia sẻ. Và chính sự "cho đi" ấy đã khiến cho tình yêu của họ trở nên vĩnh cửu. Dù cô gái có đi đâu xa, có làm công việc gì thì trong đầu cũng luôn tồn tại hình ảnh chàng trai với những âm áp, yêu thương.

Sự hy sinh thầm lặng của người phụ nữ Tày còn được hiện lên rõ nét trong bài **Sống đời**:

Em là đất

Đất nhận hết về mình

Không từ một điều gì tốt cùng

(Sống đời)

Ở đây, vẻ đẹp của người phụ nữ với đức hi sinh hiện lên thật cao cả. Người phụ nữ - người mẹ - người vợ được ví như là đất. Đất nhận hết về mình mọi thứ: lá cây, rác rưởi, phân, xác động vật chết...để dồn hết tinh lực cho cây, tạo ra hoa thơm quả ngọt. Còn người phụ nữ thì nhận hết khó khăn về mình một cách vô điều kiện để chồng con được hưởng hạnh phúc. Yêu là cho đi, yêu là sự hi sinh hết mình, yêu là vậy đấy!

2.3. Ý nghĩa triết luận trong thơ tình yêu Y Phương

Nếu như những bài thơ tình yêu được Y Phương sáng tác khi còn trẻ ngập tràn muôn ngàn cung bậc cảm xúc thì những bài thơ tình yêu được ông viết khi tuổi đã xế chiều lại mang những ý nghĩa triết luận sâu sắc. Trong lời bạt cho tập thơ "*Vũ khúc Tày*", Nguyễn Đức Hạnh đã từng khẳng định điểm đặc sắc và khác biệt của tập thơ này so với những tập thơ trước đó là ở: "*Triết luận đôi khi ngậm ngùi về tình yêu chứ không chỉ mô tả đắm say về tình yêu*" [53]. Qua nghiên cứu chúng tôi khái quát được những ý nghĩa triết luận trong thơ tình yêu Y Phương như sau:

2.3.1. Tình yêu mang lại vẻ đẹp và sức sống kì diệu cho con người

Ngay trong lời đề từ tập thơ "*Vũ khúc Tày*", Y Phương khiến độc giả nhận ra một triết lý nhân sinh sâu sắc:

*Khi chưa có tình yêu
Con người chỉ là từng hạt thóc riêng lẻ
Có tình yêu rồi
Con người mới trở thành cơm nghi ngút*

(Xin thưa)

Tình yêu chính là chất xúc tác quan trọng khiến con người trở nên đẹp hơn, có ý nghĩa hơn. Nếu không có tình yêu, mỗi cá nhân tồn tại trên thế gian này chỉ là những "hạt thóc riêng lẻ" mà thôi. Chỉ có tình yêu mới có khả năng biến những "hạt thóc" ấy thành cơm nôi cơm thơm nồng, nóng hổi, mang lại sự sống cho đời.

Tình yêu làm cho cảnh vật, đất đai, con người ...đều đẹp lên, giàu sức sống hơn: *Mía ngọt từ đâu/Mía ngọt từ lá/Không phải thế/Mía ngọt từ đâu/Mía ngọt từ rễ/Không phải thế/Mía ngọt từ lòng người/Lòng người nâu nâu/Lòng người xanh xanh/Xa nhau thành lá/Gần nhau thành rễ/Yêu nhau đất ngọt dần lên (Mía ngọt từ đâu)*. Mía không ngọt từ lá, cũng không ngọt từ rễ mà ngọt từ "lòng người". Họ luôn yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Chính những tình cảm chân thành ấy đã khiến cuộc sống này mát dần những cay đắng và trở nên ngọt ngào hơn, đáng sống hơn.

Trong thơ Bùi Thị Tuyết Mai, ta thấy tình yêu đã làm thay đổi em – người vợ - người mẹ, khiến cho họ đẹp hơn. Lúc chưa yêu thì như: *"Con chim bay cao, con cá bơi sâu/mạnh như con hổ con báo"* nhưng khi đã biết yêu, đã lấy chồng thì lại: *"Đi ngoan như câu hát về nhà anh" (Bài hát nhỏ)*.

Trong thơ tình yêu Y Phương, tình yêu lại khiến anh – người chồng – người cha trở nên đẹp hơn:

*Có em
Anh mát dần thói xấu
Biết ăn năn trước lúc bình minh*

(Em – cơn mưa rào – ngọn lửa)

Tình yêu luôn làm đẹp nhau, tôn nhau, làm đầy nhau. Với họ, biết sai phải sửa để trở thành người tốt, ấy mới là con người đích thực.

Và cũng chính tình yêu đã khiến con người biết cho đi để sống đẹp hơn: *Mỗi tích tắc có ngàn vạn con người chào đời/Một số già đi/Một số li biệt/Cuộc đời này/Luân phiên/Sinh – Dị - Diệt/Bạn ơi/Yêu nghĩa là sống đẹp (Đôi chân)*. Sinh – Dị - Diệt là vốn là quy luật bất di bất dịch của cuộc đời mỗi con người. Ai cũng vậy, ai cũng được sinh ra, lớn lên, già đi, rồi trở về với cát bụi. Ngày nào chúng ta còn yêu được thì hãy cứ yêu đi, còn sống được thì hãy cứ sống cho đẹp! Đó chính là thông điệp nhà thơ muốn gửi gắm qua bài thơ độc đáo này.

Bởi tình yêu luôn mang lại vẻ đẹp cho đời nên nó có một sức sống mãnh liệt trong mọi hoàn cảnh: *Nếu đem người kia chìm xuống nước/Danh phận/Chức tước/Tiền bạc/Sẽ nổi lênh bênh cùng cỏ rác/Nếu đem người này chìm xuống nước/Tình yêu/Tình yêu/Tình yêu/Sẽ lắng đọng/Trầm tích (Trả lời hộ tôi)*. Khi con người bị "chìm xuống nước", tức là khi gặp khó khăn, thất bại trong cuộc sống thì danh phận, chức tước, tiền bạc sẽ mất đi, không còn ý nghĩa gì nữa, nó "sẽ nổi lênh bênh cùng cỏ rác". Chỉ có tình yêu là vẫn còn mãi, nó lắng đọng lại và tạo ra những trầm tích vĩnh cửu sống mãi cùng thời gian.

Cũng bởi tình yêu có sức mạnh trường tồn như vậy nên ông trời đã để nó đến với tất cả mọi người trên thế gian này, giúp xua đi cái lạnh giá, cô đơn của cuộc sống hàng ngày:

Có một chiều mưa ngâu

Tắm vạt rừng khô khát

... ..

Thế đấy

Trời không để cây khô khát

Đời không để ai héo quắt cô đơn

(Mưa ngâu)

Dân gian ta có câu "*nồi nào vũng nấy*", ai ai cũng có quyền yêu và được yêu. Tạo hóa sinh ra đàn ông, đàn bà và rồi sẽ sắp đặt để họ được gặp nhau, yêu nhau, nên vợ nên chồng. Giống như cây được thỏa cơn khát bởi những hạt mưa ngẫu, con người cũng sẽ không ai phải cô đơn, đến một ngày nào đó chắc chắn sẽ tìm được một nửa của mình.

2.3.2. *Vĩ đại nhất trong tình yêu là người phụ nữ*

Như đã biết, người phụ nữ luôn là biểu tượng cho cái đẹp – là sự kết tinh của những gì đẹp nhất trên thế gian này. Người nghệ sĩ nói chung, nhà thơ nói riêng là những người đắm say và thường có cảm hứng mãnh liệt trước cái đẹp. Y Phương cũng vậy, khi viết về người phụ nữ miền núi, ông thường có một cảm hứng mãnh liệt, một sức sáng tạo bất ngờ. Nhà thơ viết về họ với cả một niềm say đắm, sự ngưỡng mộ, lòng yêu thương tha thiết và cả sự biết ơn sâu sắc, chân thành. Hình ảnh người phụ nữ khi yêu hiện lên trong những trang thơ của ông thật đẹp đẽ, hấp dẫn, sinh động, đáng yêu. Với Y Phương, họ chính là hình ảnh vĩ đại nhất theo quan niệm thẩm mỹ của người miền núi: *Ngày ra suối nhớ em/Gặp bông hoa nhớ em/Nói chuyện với người con gái nào cũng nhớ em/Em hiền lành/Chạm chạp/Em đội chum rượu đến với anh/Người con gái có đôi chân to khỏe/Đạp qua bao gian khổ/Đến với anh/Em đã nở cho anh một cô nàng đã cảm nữa/Em – Con mưa rào – ngọn lửa/Có em rồi/Đời mát dần thói xấu/Biết ăn năn trước mỗi bình minh/Khẩu súng trường qua cuộc chiến tranh/Anh nhắm trúng tảng ngực thẳng xâm lược/Em là mực trong ngòi/Là cơm trong nôi/Là gà gáy nhưng cũng là quả ớt/Những gì anh có được/Đều bắt đầu từ em/Chờ đón em/Hạt ngô/Bông lúa/Em về cấy gặt/Có em về làm ngắn ngày tháng Chạp/Bàn tay mềm ra suối lại ngậy thơ/Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp. (Em cơn mưa rào ngọn lửa)*. Bằng đôi chân to khỏe của mình, cô gái đã băng qua mọi đau khổ cuộc đời để tìm đến với chàng trai, để làm mẹ, làm vợ. Cũng kể từ đó, người phụ nữ ấy có sức cảm hóa đặc biệt, giúp người chồng mát dần đi những thói xấu,

biết suy nghĩ nhiều hơn, sống có trách nhiệm hơn. Bàn tay nhỏ bé, mềm mại của cô gái có một sức mạnh thần kỳ: Khi đắm mình trong dòng suối mát lạnh, nó mang một vẻ đẹp ngây thơ, trong sáng, khi chạm vào cây thì búp non nảy lộc, sự sống bắt đầu. Và cũng bàn tay ấy đã "*Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp*". Với người miền núi, ngọn khói bếp là hình ảnh tượng trưng cho hạnh phúc gia đình. Nhờ có em mà hạnh phúc được nguyên vẹn trước dông bão cuộc đời.

Khi bước vào cuộc sống hôn nhân, người phụ nữ dân tộc hết lòng yêu thương, chăm sóc chồng con, thu vén cho gia đình. Họ hy sinh, chịu đựng có lúc đến mức nhẫn nhục mà không bao giờ oán trách hay đòi hỏi một sự đền đáp nào. Trong con mắt thơ Bùi Thị Tuyết Mai, người phụ nữ là hình ảnh vĩ đại nhất trong tình yêu. Cái vĩ đại ấy được thể hiện trước tiên ở khả năng chăm chút cho chồng trong từng bữa ăn, giấc ngủ với sự dịu dàng hết mực của người vợ đảm: "*Những người đàn bà như những con ong.../Nặng chồng là lời/Yếm thắm nâng bầu rượu ngọt*" (**Những người đàn bà**). Còn với Y Phương, sự vĩ đại của người phụ nữ vùng cao nằm ở đức hy sinh. Họ luôn giành về mình những vất vả gian lao với khát vọng dâng hiến: *Em là sen/Sen của đời thường/Sen nhận hết về mình/Bùn đen/Nước đục/Sen nhường sắc cho người/Sen nhường hương cho đời/Em hiến dâng từ rễ đến lá/Sen/Chói chang mùa hạ/Sen/Sáng trong tột cùng (Sen)*. Nhà thơ đã ví cô gái như hình ảnh của một cây "sen". Cô gái sẵn sàng đón nhận tất cả "bùn đen", "nước đục" để nhường cho chồng, con những điều tốt đẹp nhất của cuộc sống. Cô gái sẵn sàng "hiến dâng" tất cả những gì mà mình có. Đó là sự hi sinh thầm lặng. Và đức hi sinh ấy đã làm lên vẻ đẹp trong sáng, đáng trân trọng của cô gái.

Không cần những gì hoa mỹ bóng bẩy, giản dị thôi nhưng người phụ nữ miền núi vẫn khiến người đàn ông của đời mình đắm say, rạo rực.

Em là củi

Đun đời anh chín thơm

*Em là nước
Tắm đời anh sạch thơm
Em là cơm
Suốt đời ăn
Vẫn....đói*

(Cơm)

Củi là thứ không thể thiếu đối với đồng bào vùng cao. Em giống như củi đã giúp anh trở nên "chín thơm". Nước là khởi nguồn của sự sống, con người sẽ chẳng thể tồn tại được nếu thiếu nước. Và em chính là nước, không chỉ giúp anh tồn tại mà còn khiến anh trở nên "sạch thơm". Đặc biệt, em còn được ví với cơm, tuy là món ăn dân dã, bình thường, giản dị nhưng không có gì thay thế được. Chàng trai ăn cơm suốt cả cuộc đời nhưng vẫn không thấy chán, vẫn luôn cảm thấy đói và thèm khát. Đây chính là sức cuốn hút kì diệu của họ mà không phải cô gái miền xuôi nào cũng có được.

Người phụ nữ miền núi không hề yếu đuối, mong manh, dễ vỡ. Họ luôn mang trong mình sức mạnh tiềm tàng:

*Người đàn ông tựa lưng người đàn bà
Còn người đàn bà tựa lưng biển cả*

(Tựa)

Trong một gia đình, người đàn ông luôn là trụ cột, che chở và bảo vệ cho vợ con. Nhưng khi cần, người đàn bà sẵn sàng "*tựa lưng biển cả*" đầy sóng gió, bão giông, trắc trở để làm điểm tựa cho người đàn ông của mình. Nhờ có tình yêu chấp cánh, họ hề nhỏ bé, yếu đuối mà mạnh mẽ, phi thường.

Người phụ nữ - người vợ - người mẹ vùng cao vĩ đại vậy đấy. Họ được ví như là "*nguồn nước*" giúp cho sự sống bắt đầu. Đọc thơ Dương Thuấn, ta cũng bắt gặp những vần thơ như thế:

*Em là gì
Khi sung sướng anh thường hỏi thế
Em là nguồn nước nhỏ
Chảy vào vại nhà anh*

(Dương Thuần, Em – người xa lạ)

Nếu như trong thơ Dương Thuần, em hiện lên nhỏ bé, thâm lặng, chỉ là "nguồn nước nhỏ" mát trong dâng tặng cho anh thì trong thơ tình yêu Y Phương, em là cả một dòng sông hiền hòa chở nặng phù sa dâng hiến cho đời, là điểm tựa menh mông cho người đàn ông của họ đi đến thành công:

*Em tự đốt đời mình lên sáng rực
Làm con sông nhỏ nhoi của cha
Làm con sông hiền hòa của mẹ
Làm cón cào, náo nhiệt trong anh
Em vồ đến chân trời xa tắp
Em vừa đi vừa sinh ra đất*

(Sông Hồng)

Những người phụ nữ miền núi – những bông hoa của núi rừng đã mang một vẻ đẹp khỏe mạnh, hồn nhiên và rực rỡ. Qua năm tháng cho đến nay, họ vẫn giữ được cho mình những phẩm chất đáng quý, đáng trân trọng trong tình yêu: nhân hậu, thủy chung, giàu tình thương, hy sinh hết mình vì gia đình, chồng con và những người thân yêu của mình. Những phẩm chất ấy đã tôn vinh vẻ đẹp trong sáng, mềm mại của họ, trở thành biểu tượng và niềm tự hào của người dân tộc Tày. Tất cả những điều ấy đã được phản ánh trong các bài thơ tình đặc sắc của Y Phương. Đọc thơ ông, ta thấy hiện lên trong đó cái vĩ đại của người phụ nữ Tày. Họ không chỉ đẹp bởi sự duyên dáng của ngoại hình mà còn bởi sự đảm đang, tài hoa trong lao động, khéo léo, tế nhị trong ứng xử.

2.3.3. Sự ngậm ngùi cho tuổi già và tình yêu

Con người vẫn luôn khao khát sống, khao khát yêu nồng cháy. Nhưng thời gian có hạn. Vạn vật chuyển biến, tuổi trẻ cứ vội cạn theo năm tháng.

Nhà thơ Xuân Diệu cũng đã từng khiến người đọc nhận ra một triết lý nhân sinh sâu sắc về sự trôi chảy của thời gian, sự ngậm ngùi khi tuổi trẻ một đi không trở lại:

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại
Còn đất còn trời nhưng chẳng còn tôi mãi
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời*

(Xuân Diệu – vội vàng)

Mùa xuân rồi sẽ trở lại, đất trời lại rạo rục và đẹp đẽ như thế nhưng tuổi trẻ con người sẽ vĩnh viễn trôi qua. Đây chính là điều tàn nhẫn nhất mà Xuân Diệu không muốn đối mặt.

Đọc thơ tình yêu Y Phương, chúng tôi cũng bắt gặp một triết lý tương tự như thế. Thời gian chính là kẻ thù dã man nhất của tình yêu. Nhà thơ ngậm ngùi, tiếc nuối khi tuổi già không còn đủ sức để yêu: *Bạn còn trẻ/Đêm đêm chân gác chân/Tôi nhàu rồi/Đêm đêm tôi gác chân/Sáu chục năm nữa thôi/Bạn sẽ như tôi/Một trăm năm nữa thôi/Bạn và tôi...* **(Đôi chân)**.

Với bài thơ *Buồn lấp lánh*, ngoài sự ngậm ngùi, đau buồn vì tuổi già ập đến còn có cả những hi vọng:

*Khi tình yêu mủn rồi
Những nụ hôn sẽ ra sao
Ồ không sao
Khi mặt trời rời bầu trời
Những đứa con của họ bắt đầu chín"*

(Buồn lấp lánh)

Tình yêu không bao giờ chết, sự tiếp nối các thế hệ chính là sự tiếp nối của tình yêu vĩnh hằng. Cha mẹ được ví như mặt trời và bầu trời, khi cha mẹ không còn nữa thì cũng là lúc những đứa con của họ bắt đầu sống và yêu. Những đứa con giống như các vì sao lấp lánh trên bầu trời đã được nhận ánh sáng từ mặt trời và bầu trời. Tình yêu là vậy, nó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, sẽ chẳng bao giờ mất đi.

Và đôi khi, tình yêu là không tuổi. Nó không chỉ đến với những bạn trẻ, chưa có gia đình, mà nó còn đến với cả những người đã lên chức ông bà. Họ trốn con cháu, vợ chồng để hò hẹn với nhau bởi đến tận bây giờ, tình yêu đích thực mới đến với họ. Thứ tình cảm ấy cần được cảm thông hơn là trách mắng, cần được tha thứ hơn là trừng phạt. Y Phương gửi gắm triết lý: Tình yêu không có lỗi, lỗi chẳng là do tình yêu bị lỡ nhịp mà thôi. Và chắc chắn rằng, dù ở bất cứ độ tuổi nào, trong bất kì hoàn cảnh nào, nếu tồn tại tình yêu đích thực thì kết quả cuối cùng của nó cũng là hạnh phúc. Dù muộn màng và sai trái nhưng nếu yêu hết mình thì vẫn nảy ra *"loài hoa bất tử"*: *Sinh con rồi/Tình yêu ta chưa sinh/Sinh cháu rồi/Tình yêu mới đến/Ở hời la/Ta trốn nhà/Ra nơi hò hẹn/Nơi hò hẹn bãi gò hoang/Ở hời la/Ta về nhà ta/Em về nhà em/Bãi gò hoang trở thành bãi/Ngón ngang/Đất cát/Trên đất cát/Nảy loài hoa bất tử (Hoa bất tử).*

Đó cũng chính là lý do khiến Y Phương luôn cảm thấy sốt ruột khi yêu, sốt ruột không phải vì lo thân xác già, mà lo hồn vía già không kịp yêu:

"Giờ này

Thân xác tôi mỗi mết

Vía ơi

Ơi vía

Về đi

Về đi mà

Về mà yêu kéo vía già"

(Gọi vía)

Đặc sắc của bài thơ nằm ở câu kết với triết lý hàm ẩn: Hồn vía già thì tình yêu mới không còn nữa, đâu phải chuyện tuổi tác hay thân xác già nua. Tinh thần mới là yếu tố quyết định chúng ta già hay trẻ. Còn yêu thì còn trẻ ở bất cứ tuổi tác nào.

* * *

*

Tiểu kết: Những đặc sắc ở phương diện nội dung trong thơ tình yêu Y Phương được thể hiện ở nhiều phương diện nhưng do khuôn khổ đề tài, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu ở 3 phương diện sau:

Thứ nhất là ta thấy hiện lên trong thơ tình yêu Y Phương một bức tranh thiên nhiên miền núi đa sắc: vừa thơ mộng, trữ tình vừa hùng vĩ, dữ dội mang đậm sắc thái miền núi. Đây chính là không gian của tình yêu đôi lứa, là nơi hò hẹn, là nơi chấp cánh cho tình yêu đi đến bến bờ hạnh phúc. Thiên nhiên là tấm gương soi cho tâm trạng của con người miền núi khi yêu, tâm trạng nào thì thiên nhiên ấy. Đồng thời, nhờ có tình yêu, bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp độc đáo và kì diệu.

Thứ hai là hình tượng con người miền núi xuất hiện trong thơ tình yêu Y Phương phong phú, đa dạng. Họ chính là phiên bản tâm hồn nhà thơ nói riêng và các chàng trai, cô gái dân tộc miền núi khi yêu nói chung. Nó bắt nguồn từ cội rễ truyền thống văn hóa bền chặt của đồng bào dân tộc Tày ở Trùng Khánh – Cao Bằng. Những bức chân dung đậm sắc thái miền núi ấy đã gặp gỡ với tính dân tộc (ở đây là bản sắc văn hóa Việt) và tính nhân loại.

Thứ ba là thơ tình yêu Y Phương lại nhuộm màu triết lý nhân sinh. Đó là triết lý về vẻ đẹp và sức sống kì diệu mà tình yêu mang lại cho con người, là triết lý về sự trôi chảy của thời gian và những ngậm ngùi của tuổi già, là triết lý về người phụ nữ khi yêu – họ luôn là hình ảnh vĩ đại nhất trong thế giới này.

Chương 3:

NHỮNG ĐẶC SẮC Ở PHƯƠNG DIỆN HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT TRONG THƠ TÌNH YÊU Y PHƯƠNG

3.1. Biểu tượng nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương

Theo nhà ngôn ngữ, tâm lý học Thụy Sĩ C.G.Jung thì *"Biểu tượng trong văn học là một từ ngữ, một danh từ hay một hình ảnh ngay cả khi chúng là quen thuộc trong đời sống hàng ngày vẫn chứa đựng mối quan hệ liên can, cộng thêm vào đó cái ý nghĩa quy ước và hiển nhiên của chúng. Trong biểu tượng có bao hàm một điều gì đó mơ hồ, chưa biết hay bị che dấu đối với chúng ta"* [50,29]

Biểu tượng là một thủ pháp đặc biệt để tác giả thể hiện ý đồ sáng tạo của mình. Việc giải mã biểu tượng nghệ thuật góp phần giúp chúng ta hiểu được những giá trị riêng biệt mà tác phẩm mang lại.

Trong thơ tình yêu Y Phương, ta thấy xuất hiện nhiều biểu tượng nghệ thuật độc đáo tượng trưng cho "anh", cho "em", cho các cung bậc tình yêu. Đó là các biểu tượng: Sông, mặt trời, mặt trăng, đá, núi...

Qua khảo sát hệ thống các biểu tượng trong tổng số 201 bài thơ về tình yêu đôi lứa của Y Phương, chúng tôi thu được kết quả:

| Biểu tượng | Sông | Mặt trăng | Mặt trời | Đá | Ngọn lửa | Núi |
|-------------------|-------------|------------------|-----------------|-----------|-----------------|------------|
| Số lần xuất hiện | 12 | 13 | 9 | 7 | 6 | 8 |

3.1.1. Biểu tượng Sông

Sông luôn là hình ảnh quen thuộc của văn học Việt Nam. Nó thường được dùng để so sánh với vẻ đẹp của người con gái. Ở *Người lái đò sông Đà*, dòng sông được ví như những cô gái trẻ trung mang trong mình vẻ đẹp trong sáng, tinh khôi *"Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình; đầu*

tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi người mèo đốt nương xuân”. Với **Ai đã đặt tên cho dòng sông**, Hoàng Phủ Ngọc Tường lại cho ta thấy sông Hương mang vẻ đẹp phóng khoáng và man dại của một thiếu nữ Di – gan: “*như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại*”.

Ta cũng từng bắt gặp những con sông, con suối được ví như mái tóc sơn nữ tuổi mười năm trong thơ Triệu Kim Văn: *Những dòng suối nào đây/Những nguồn nước nào đây/Gội mềm từng sợi tóc/Uống nên vương nên góc/Mái tóc tuổi mười lăm* (**Triệu Kim Văn – Núm tóc Mùi Pham**).

Trong thơ tình yêu Y Phương, hình ảnh sông cũng được nhà thơ sử dụng để làm thước đo vẻ đẹp của em-người vợ-người mẹ. Đó không chỉ là vẻ đẹp trong sáng, tinh khôi hay phóng khoáng, man dại, mà còn là vẻ đẹp của sự chịu thương, chịu khó, của đức tính nhường nhịn, hy sinh, của khả năng cảm hóa và sinh sôi, nảy nở:

*Em vừa chảy qua những vùng nóng chảy
Những vùng chín sớm (...)
Em tự đốt đời mình lên sáng rực
Làm con sông nhỏ nhoi của cha
Làm con sông hiền hòa của mẹ
Làm cồn cào náo nhiệt trong anh (...)
Em vừa đi vừa sinh ra đất*

(Sông Hồng)

Cũng có lúc, những dòng sông nhỏ bé, bình yên còn được so sánh với vẻ đẹp thủy chung của người con gái. Họ luôn là "bến" đợi chờ sự trở về của một nửa yêu thương: *Tên em tên một dòng sông/Dòng sông nhỏ chảy trong đồng bao anh/Dòng sông khi trắng khi xanh/Tên em là bến cho anh gọi đò(...)/Những dòng sông mang tên em/Cũng ấm ắp chảy qua miền quê anh/Sông dài bởi lượn lượn quanh/Em làm bến vắng cho anh tìm về* (**Tên em dòng sông**).

Khi dòng sông được ví với hình ảnh một người vợ góa chồng, nó lại mang trong mình sự hờ hững, vắng vẻ. Nó không còn là dòng sông chảy hiền hòa nữa mà như một dòng sông chết: không có dòng chảy, nước đóng băng, gió lạnh thổi đôi bờ: *Có mùa dài sông Bằng nằm. Không chảy/Nước đóng băng gió lạnh thổi rạc bờ/Trẻ con thấy các mặt buồn đứng ngóng/Thương những người gái góa bơ vơ* (**Có mùa sông Bằng không chảy**).

Bên cạnh đó còn là những con sông, con suối đầy kỷ niệm của tuổi thơ yêu dấu:

*Anh và em
Cùng tùm xuống sông
Nước ôm trọn hai người (...)
Truyện lâu rồi không nhớ nữa
Từ hồi mình chưa ... gì*

(Thưởng sống)

Những con sông tuổi thơ ấy đã nuôi lớn tình bạn ngây thơ, trong sáng của các bạn trẻ vùng núi. Và rồi, cũng từ những dòng sông kỉ niệm ấy, đã có nhiều mối tình đơm hoa kết trái.

3.1.2. Biểu tượng núi

Đọc thơ tình yêu Y Phương, ta thấy xuất hiện hình ảnh những ngọn núi đầy hoa. Nó được coi như là một tín hiệu cho thấy đã đến mùa vạn vật sinh sôi, nảy nở, trong đó có cả con người:

*Tháng ba quê tôi
Núi ra hoa
Cây ra lộc ra cành
Đàn bà ra bầu
Đàn ông ra râu*

(Bài hát tháng ba)

Ở bài thơ sau, núi không còn là ngọn núi đơn thuần mà đã bùng cháy thành ngọn núi lửa – biểu tượng của tình yêu nồng nàn, mãnh liệt. Trong anh và em vừa có một ngọn núi lửa – một tình yêu mới nảy nở. Và thứ tình cảm chân thành nhưng cháy bỏng của hai người ấy sẽ thành một cuộc tình đẹp:

Ở trong tôi/Có một núi lửa/Mới vừa tỉnh ngủ/Ở trong em/Có một núi lửa/Cũng vừa vươn vai (...)/Và bây giờ/Hai núi lửa cùng phun trào nham thạch/Tình khôi một cuộc tình (Núi lửa).

Đặc biệt, hình ảnh núi còn được Y Phương sử dụng như một biểu tượng của đỉnh cao, của cái đích mà mỗi người dân miền núi cần vượt qua. Và khi đã chinh phục được nó đó rồi, họ sẽ được chính "sóng núi" đưa lên một tầm cao mới: *Con sóng núi duỗi ra dài dài/Ngọn sóng núi chồm lên cao cao/Những người dân thấp bé/Đi từ chân núi lên đỉnh núi (...)/Họ trèo lên/Du lên/Đầy thỏa thích/Ngọn sóng núi đưa người lên cao vút (Những người trèo núi).*

3.1.3. Biểu tượng mặt trời, mặt trăng

Mặt trăng, mặt trời cũng là những biểu tượng nghệ thuật độc đáo trong thơ tình yêu Y Phương. Có lúc, hai hình ảnh ấy xuất hiện song hành với nhau đơn giản chỉ để thực hiện một phép so sánh:

*Mới thế đã nửa đời người
Nắng vừa vắt qua đèo điu dậu
Anh đã trải qua ba lần cấp cứu
Yếu như trăng rồi lại khỏe như trời*

(Đàn chim trắng)

Có lúc, Y Phương lại sử dụng hình ảnh mặt trăng, mặt trời với những đặc điểm riêng có: khi mặt trời mọc thì mặt trăng lặn và ngược lại, chúng không bao giờ xuất hiện cùng nhau để gửi gắm đến độc giả một triết lý nhân sinh sâu sắc mà đượm buồn:

*Còn lại đôi ta thôi
Nhân tình như nhật nguyệt*

(Giọt đàn)

Không chỉ xuất hiện song hành với nhau, Y Phương còn tách rời hai hình ảnh mặt trăng và mặt trời với những ý nghĩa biểu tượng độc đáo. Trăng tượng trưng cho hình ảnh một người con gái đẹp, trẻ trung, hồn nhiên, cho tình yêu hoàn nguyên, vô tận: *Những hạt trăng vương vãi/Đang ồn ào đi lại/Có một hạt trăng hồn nhiên/Lăn về ta/Ta uống em/Trẻ mãi/Không già* (**Hạt trăng**).

Vẫn là hình ảnh biểu tượng của người con gái nhưng vàng trăng trong bài thơ sau lại gợi cho độc giả cảm giác buồn man mác đầy tiếc nuối bởi nhân vật trữ tình đã đánh mất "trăng":

*Tắt đèn ngồi trong màn
Gió lay vàng trăng lắt
Vàng trăng như người đứng (...)
Vàng trăng rơi mất rồi
Ta với người đứng thôi*

(**Người đứng**)

Và đây cũng là những vần thơ xuất hiện biểu tượng mặt trăng với ý nghĩa tương tự:

*Trăng ơi trăng hãy thương tôi với (...)
Tình dậy nào trăng
Mờ mờ cho tôi vui chút với
Vui là vui nhờ thôi trăng ơi*

(**Vui nhờ**)

Đôi lúc, trăng trong thơ tình yêu Y Phương là một hình ảnh "trăng muộn" đầy ẩn ý:

*Trăng muộn
Trăng không muộn
Sớm muộn do mắt người*

(**Trăng muộn**)

Sẽ không có vàng trắng nào muộn – không có người con gái nào già bởi già hay trẻ là do mắt của người thương thức. Khi đã yêu nhau, người mình yêu sẽ luôn đẹp nhất, trẻ trung nhất, đáng yêu nhất.

Trong thơ ca Tày truyền thống, mặt trời cũng thường được nhắc đến, nó tượng trưng cho hình ảnh con người đã bước sang tuổi xế chiều với những ly biệt: "*Mặt trời vận chuyển qua chiều/Để rồi ly biệt là điều khó qua*" (Ca dao Tày). Chúng ta cũng bắt gặp hình ảnh này trong thơ tình yêu Y Phương nhưng nó lại mang một ý nghĩa biểu tượng hoàn toàn khác: mặt trời thể hiện niềm tin, hi vọng về một tình yêu hạnh phúc: *Đêm nay/Ta nhớ ta toàn thân/Khắc khoải bởi tiếng gà/Ta muốn đập tung ra/Mặt trời hạnh phúc mọc* (**Mặt trời le lói mọc**).

Mặt trời trong bài thơ ***Buồn lấp lánh*** cũng mang ý nghĩa trên:

Khi tình yêu mủn rôi

Những nụ hôn ra sao

Ồ không sao!

Khi mặt trời rời bầu trời

Những đứa con của họ bắt đầu chín

(Buồn lấp lánh)

Mặt trời tượng trưng cho sự ra đi, kết thúc và tiếp nối. Sự tiếp nối của các thế hệ chính là triết lý nhân sinh mà Y Phương muốn gửi gắm qua hình ảnh mặt trời và bầu trời. Sự sáng tạo của Y Phương chính là ở chỗ "*khi mặt trời rời bầu trời*" sẽ đau buồn đấy nhưng vẫn lấp lánh niềm tin, hi vọng bởi "*những đứa con của họ bắt đầu chín*".

3.1.4. Biểu tượng lửa

Hình ảnh lửa cũng xuất hiện khá nhiều trong thơ tình yêu Y Phương. Lửa ấm áp, nồng nàn như người con gái miền núi. Họ chính là những người "*giữ lửa*" trong gia đình, giúp mỗi thành viên trong một mái nhà luôn cảm thấy ấm áp, yêu thương:

*Em như bếp lửa
Ai gần em cũng ấm*

(Gần hoa)

Với bài thơ *Lửa rừng*, ngọn lửa không chỉ là hình ảnh được Y Phương dùng để so sánh với vẻ đẹp ấm áp của người con gái, mà còn mang một ý nghĩa biểu tượng độc đáo: ngọn lửa chính là tình yêu không bao giờ tắt. Cho dù chàng trai có đi đâu, về đâu, anh cũng không thể nào quên được ở góc rừng sâu có một ngọn lửa yêu đang rực cháy và chờ đợi ngày anh trở về:

*Oi ngọn lửa rừng sâu
Ngọn lửa rừng sâu
Có bao giờ anh quên được đâu
Không quên được dấu về gặp biển*

(Lửa rừng)

Có một tình yêu đang hùng hực cháy trong tim mỗi chàng trai, cô gái miền núi giống như ngọn lửa vậy:

*Khúc củi hùng hực cháy
Còn gang nữa đến trời*

(Người đẹp)

Khi được dùng để nói về các cung bậc tình yêu, biểu tượng lửa trong thơ tình yêu Y Phương mang sắc thái mạnh mẽ, dữ dội, nóng gắt. Nó khác hẳn với ngọn lửa hiền hòa, nồng ấm, thắm đượm tình cảm trong thơ Triệu Kim Văn: *Không chỉ khói lửa bên sàng ấm/Em ngồi ửng má vót com lam* (**Triệu Kim Văn - Đêm Hà Vị**).

3.1.5. Biểu tượng đá

Một trong những đặc trưng của thiên nhiên vùng núi cao đó là có rất nhiều đá với những dáng vẻ, hình thù khác nhau. Đồng bào miền núi sống chung với đá, làm bạn với đá. Đó cũng là điều khiến chúng ta cảm thấy dễ hiểu khi hình ảnh đá xuất hiện trong thơ ca của rất nhiều nhà thơ dân tộc miền núi. Đó là những cao nguyên đá trải dài trong thơ Hoàng Kim Dung: "Đá

xám/Đá nâu/Đá trên đầu dưới vực/Đá dẫu trong ngực/Trái tim hừng hực qua cao nguyên" (Cao nguyên đá). Đó là đá núi chồng chất nhau trong thơ Bàn Tài Đoàn: "Ngẩng đầu thấy núi cao chót vót/Cúi đầu thấy đá chồng chất nhau" (Muối cù hồ). Đó là hình ảnh núi đá đồng văn gắn liền với sự sinh ra, lớn lên, với tình yêu và cuộc đời của mỗi con người trong thơ Triệu Kim Văn: "Sinh trên đá/Đợi bạn tình trên đá" (Đá núi Đồng Văn).

Với Y Phương, ông luôn mang trong mình tình yêu với đá. Đây là hình ảnh xuất hiện trong thơ tình yêu của ông với tần xuất tương đối nhiều. Nhà thơ đã thổi hồn vào đá nên đá cũng có suy nghĩ, cũng biết vui, biết buồn. Đá được ví như người:

*Mùa hè
Đá như người
Rịn mồ hôi muối*

(Cây gạo mùa hè)

Sự mạnh mẽ, cứng cỏi của mỗi hòn đá cũng giống như những người con dân tộc Tày ở làng Hiếu Lễ - nơi nhà thơ sinh ra và lớn lên. Họ luôn là những người có ích cho đời. Họ mạnh mẽ trước sóng gió cuộc đời. Họ tự lập bước chân vào đời mà không cần phải luồn cúi. Họ mang trong mình sức mạnh và bản chất của đá: *Có hòn làm bóng mát/Có hòn hỏi ông trời/Ngựa hí và bò rống/Đá ngửa mặt lên cười(...)/Những đứa con chân đất/Lăn lóc đi vào đời (Những đứa con làng đá).*

Hình ảnh đá còn tượng trưng cho tâm hồn, tình cảm của chàng trai Tày đã hóa đá trong tình yêu. Với tình yêu hóa đá ấy, chàng luôn mong mỏi, nhớ nhung, khao khát người thương quay về:

*"Chim én vút bay vào trời xanh hắt biết
Có một người đá
Đang ngóng em"*

(Người đá)

Khi người vợ mất chồng, họ cũng được Y Phương ví như hòn đá đứng khốc. Nỗi buồn lên đến tột cùng khiến cho người vợ ấy như hóa đá:

Hôm nay cụ đi rồi

Hòn đá như muôn người

Đứng âm thầm thương cụ

(Đá)

Như vậy, trong thơ tình yêu Y Phương, ta thấy xuất hiện nhiều biểu tượng nghệ thuật độc đáo. Đó là những biểu tượng tượng trưng cho "em" như: sông, mặt trăng..., đó là những biểu tượng tượng trưng cho "anh" như đá, mặt trời..., đó là những tượng tượng trưng cho các cung bậc tình yêu như: núi, lửa... Các biểu tượng nói trên đều là những biểu tượng gắn bó máu thịt với bản làng miền núi, mang đậm tâm hồn Tày, bản sắc văn hóa Tày.

3.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương

Thơ ca là tiếng nói của tâm hồn, là những rung động mạnh mẽ của con tim. Do đó, ngôn ngữ thơ ca chính là phương tiện để người nghệ sỹ thể hiện tâm tư, tình cảm của bản thân. Như đã biết ngôn ngữ là tổng thể tất cả các đơn vị, phương tiện, các kết hợp mà lời nói sử dụng: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, các phương thức tu từ. Ngôn ngữ chính là dấu hiệu đầu tiên, không thể thiếu để chủ thể tạo ra các tác phẩm văn chương của mình.

Ngôn ngữ nghệ thuật là thứ ngôn ngữ đã được tổ chức, xếp đặt, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ.

Ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ mang những đặc điểm sau:

Một là: Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, màu sắc

Hai là: Ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc

Ba là: Ngôn ngữ thơ biểu hiện tập trung nhất tính hàm súc phong phú của ngôn ngữ

Bốn là: Ngôn ngữ thơ mang đặc trưng thẩm mỹ riêng

Trong khuôn khổ luận văn, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu những đặc sắc về mặt ngôn ngữ trong thơ tình yêu Y Phương ở hai bình diện: từ loại và các biện pháp tu từ.

3.2.1. Các từ loại được ưa thích sử dụng trong thơ tình yêu Y Phương

Mỗi nhà thơ có một đặc điểm riêng về ngôn ngữ nghệ thuật. Với thơ tình yêu Y Phương, chúng tôi tiếp cận và khám phá ngôn ngữ nghệ thuật trước tiên ở phương diện từ loại. Đặc điểm cơ bản của hệ thống tự loại trong thơ tình yêu Y Phương thể hiện ở ba yếu tố: hệ thống động từ hướng nội, hệ thống danh từ chỉ sự vật, hiện tượng quen thuộc trong đời sống miền núi, hệ thống tính từ với những gam màu nóng.

Thứ nhất là hệ thống động từ:

Để góp phần cắt nghĩa, lý giải tư tưởng, tình cảm của tác giả, chúng tôi khảo sát động từ trong thơ Y Phương ở bình diện động từ hướng nội và động từ hướng ngoại.

*** Động từ hướng ngoại**

Động từ hướng ngoại là những động từ mà chủ thể của hành động sử dụng nó để thể hiện những cử chỉ, hành động, tác động, biểu hiện những cảm xúc, tư duy hướng về những đối tượng, những vấn đề ngoài bản thân.

Trong thơ tình yêu Y Phương, ta bắt gặp những bài thơ mà ở đó tác giả sử dụng nhiều động từ hướng ngoại. Đó là khi ca ngợi sức mạnh, sự trường tồn của tình yêu:

*Nếu đem người này **đim** xuống nước*

Tình yêu

Tình yêu

Tình yêu

Sẽ lắng đọng

Trâm tích

(Trả lời hộ tôi)

Đó là khi ca ngợi những người miền núi luôn biết suy nghĩ cho nhau, nghĩ tốt về nhau trong tình yêu:

*Những con người luôn **nghĩ** tốt về nhau*

Nên trẻ lâu

Còn cái xấu

Biến thành phân bón ruộng

(Nghĩ về nhau)

Hoặc khi diễn tả cơn giận của một người con gái, nhà thơ cũng sử dụng nhiều động từ hướng ngoại:

*Con giận **ngoi** từ đất*

***Bò** lên bàn chân*

***Leo** lên đầu gối*

***Trườn** lên eo lưng*

***Ngậm** vào bầu ngực*

*Giận **dừng lại***

(Giận thương)

Bằng các động từ: ngoi, bò, leo, trườn, ngậm, tác giả đã diễn tả được một cơn giận của người phụ nữ vùng cao. Nó dường như đang lan tỏa khắp cơ thể nhưng khi cơn giận chạm đến trái tim thì nó lại "dừng lại". Và từ giận đã chuyển thành thương.

*** Động từ hướng nội**

Động từ hướng nội là những động từ mà chủ thể của hành động sử dụng nó để thể hiện những cử chỉ, hành động, biểu hiện những cảm xúc, tư duy hướng về chính bản thân mình, đặc biệt nó còn diễn tả diễn biến nội tâm của chính mình.

Là một người ưa quan sát, suy nghĩ, nhìn nhận cho nên thơ tình yêu Y Phương chủ yếu sử dụng những động từ hướng nội.

Nhà thơ đắm mình trong vẻ đẹp và giá trị trường tồn của "em": *Em là củi/Đun* đòi anh chín thơm/*Em là nước/Tắm* đòi anh sạch thơm/*Em là cơm/Suốt* đòi *ăn/Văn...đói (Cơm)*. Các động từ "đun", "tắm", "ăn" là động từ hướng ngoại nhưng gắn với thủ pháp tượng trưng nên chuyển thành động từ hướng nội.

Ông lặng ngắm và phát hiện ra ngây thơ, trong sáng của vợ mình khi ngủ:

Đêm đêm

*Anh **ngắm nhìn** mình ngủ*

Ngon lành như trẻ thơ

(Giấc ngủ trẻ thơ)

Động từ "ngắm nhìn" cũng là động từ hướng ngoại nhưng nó gọi tả tâm trạng của "anh" nên chuyển thành động từ hướng nội.

Có lúc, nhà thơ lại sử dụng động từ hướng nội để nói về tâm trạng của bản thân trước những giận hờn trong tình yêu:

Gần trọng một buổi sáng

*Anh **tan ra** như mật*

(Câm)

Khi diễn tả cái dữ dội, đắm say của bản thân nói riêng và của các chàng trai miền núi nói chung, nhà thơ cũng sử dụng nhiều động từ hướng nội:

*Nước **ngập** đầu*

*Anh vẫn **đến***

*Hồ báo **đón đường***

*Anh vẫn **đến***

***Đến** nơi tình yêu lớn*

*Để **gặp** vô vàn người trong một con người*

(Một)

Chúng tôi đã tiến hành thống kê, so sánh sự xuất hiện của động từ hướng nội và hướng ngoại trong thơ tình yêu Y Phương, thu được kết quả như sau:

| Động từ | Tập 1 | Tập 2 | Tập 3 | Tập 4 | Tập 5 | Tập 6 |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Hướng nội | 48 | 100 | 80 | 350 | 150 | 450 |
| Hướng ngoại | 8 | 20 | 15 | 70 | 31 | 89 |

Ta thấy, ở các bài thơ viết về tình yêu đôi lứa trong cả 6 tập thơ, nhà thơ đều sử dụng động từ hướng nội nhiều hơn động từ hướng ngoại. Hệ thống động từ đã thể hiện rất đúng con người vốn ít bộc lộ bề ngoài, hãy suy tư, thiên về nội tâm của nhà thơ Y Phương. Và đây cũng là một căn cứ để khẳng định cá tính sáng tạo của ông.

Thứ hai là hệ thống danh từ:

Là một nhà thơ Tày yêu quê hương, thơ tình yêu Y Phương ngập tràn hệ thống những danh từ chỉ sự vật, hiện tượng gắn với cuộc sống, sinh hoạt của con người miền núi.

Trước hết, đó là hệ thống danh từ chỉ sự vật, hiện tượng thuộc về môi trường tự nhiên. Trong bài **Lặng lẽ đêm**, ta thấy xuất hiện 3 danh từ chỉ sự vật tự nhiên: trăng, sương, mây ở ba dòng liên tiếp:

Trên đầu ta

***Trăng** khe khẽ sáng*

***Sương** khe khẽ lắng*

***Mây** khe khẽ trôi*

(Lặng lẽ đêm)

Các danh từ: sông, suối, núi cũng được Y Phương sử dụng tương đối nhiều. Bài thơ sau là một ví dụ:

Sáng nay

Em bỗng bênh

Đôi chân nhỏ như suối như sông

(Nảy hạt)

Bên cạnh đó, danh từ đá cùng các biến thể của nó cũng là danh từ được ưa dùng trong thơ tình yêu Y Phương. Nếu như trong thơ Triệu Kim Văn, ta bắt gặp danh từ "thang đá": "*Thì cứ leo bằng cả hai tay/Thang đá lưng mây*

bay" (**Đường vào bản**) thì trong thơ tình yêu Y Phương, ta thấy một "người đá" ngóng chờ người yêu bên "hòn đá" mô cô:

Bên hòn đá mô cô (...)

Có một người đá

Đang ngóng em

(Người đá)

Danh từ "người đá" là một sáng tạo độc đáo của Y Phương: dùng để chỉ một con người im lặng, bền vững, thô ráp và kiên cường như đá. Hình ảnh đá đã in đậm, ăn sâu vào tâm trí nhà thơ Y Phương. Để rồi nó được hiện lên trong thơ tình yêu của ông rất đời tự nhiên mà chứa đựng trong đó nhiều ý nghĩa.

Bên cạnh đó là hệ thống danh từ chỉ sự vật, hiện tượng gắn bó thân thuộc với sinh hoạt thường ngày của con người miền núi. Đó là lúa, bắp, muối mỡ, com trong bài thơ sau: *Em là lúa/Lộp lên anh từng hạt/Em là bắp /Đầy lên anh từng hạt/Em là sao/Chùm lên anh lung linh/Em là em/Là muối mỡ cười khóc/Em là em/Là com đau áo nhàu (Em là...).*

Đó có khi là chiếc bánh, lớp lá, hạt gạo, hạt đỗ, hạt sạn:

Hai tay tôi từ từ bóc chiếc bánh

Lộ ra những lớp lá

Lộ ra những hạt gạo

Lộ ra nhân đỗ xanh

Lộ ra những hạt sạn

Lộ ra hơi thở người

(Miếng bánh)

Đó còn là những tấm thổ cẩm đẹp rực rỡ, mê hồn:

Rực rỡ

Tấm thổ cẩm

(Thổ cẩm)

Qua khảo sát hệ thống danh từ trong các bài thơ tình yêu Y Phương ở cả 6 tập thơ, chúng tôi thu được kết quả như sau:

| Danh từ | Tập 1 | Tập 2 | Tập 3 | Tập 4 | Tập 5 | Tập 6 |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| số lần | 30 | 61 | 59 | 240 | 95 | 325 |

Rõ ràng, cuộc sống và những đặc trưng trong sinh hoạt của người dân tộc Tày ở miền núi phía Bắc đã tạo nên những ám ảnh trong tâm hồn Y Phương. Và nó được phản ánh rõ nét ở hệ thống những danh từ chỉ sự vật, hiện tượng mà nhà thơ đã xây dựng, sử dụng nhuần nhuyễn trong các bài thơ viết về tình yêu đôi lứa.

Thứ ba là hệ thống tính từ:

Trong thơ Triệu Kim Vãn, hệ thống tính từ chỉ màu sắc chủ yếu thiên về những gam màu lạnh, ở mức độ và tính chất dịu nhẹ: xanh, lam, chàm, tím... Cái dịu dàng trong suốt ấy thấm cả vào cảm thức thời gian của nhà thơ:

Ngọn gió lang thang cho cánh rừng cuộn sóng

Nụ hôn dài thêm sắc biếc làn mây (...)

Mùa thu điệu nhạc xanh ngân nga

(Mùa thu xanh)

Với Y Phương, hệ thống tính từ chỉ màu sắc hoàn toàn đối lập với thơ Triệu Kim Vãn. Nhà thơ ưa thích sử dụng tính từ chỉ gam màu nóng: đỏ, vàng, cam...cùng các biến thể.

Ta bắt gặp sắc đỏ rực của hoa gạo tháng ba:

*Đến ngày hè **hoa đỏ***

Vào trận cuối nghe nôn nao tiếng cuốc

Anh đi mười năm

Lấy hè này làm mốc

(Cây gạo mùa hè)

Sắc đỏ của miếng trầu:

Thấp hương lên
Hiện người về
Đeo dây lục lạc
Miệng nhai trầu đỏ chót
Cười

(Người người)

Sắc đỏ của những con đường:

Có con đường đất đỏ
Xuyên qua như sợi chỉ
Khâu tình yêu đời người

(Ta về nhà ta thôi)

Sắc đỏ của những khuôn mặt phụ nữ miền núi khỏe khoắn, tràn đầy sinh lực:

Mùa hoa
Mùa đàn bà
Mặt đỏ phùng
Thừa sức vác ông chồng
Chạy phăm phăm lên núi

(Mùa hoa)

Và đặc biệt, đó còn là sắc đỏ của một trái tim khao khát yêu và được yêu:

May thay
Còn trái tim hồng tươi
Đỏ và đỏ như lửa
Tỉnh và tỉnh như lửa

(Răng và tóc)

Bên cạnh tính từ chỉ màu sắc là những tính từ chỉ đặc điểm của sự vật hiện tượng. Sự vật được nhắc đến tương đối nhiều trong thơ tình yêu Y

Phương đó là củi. Nó được nhà thơ mô tả với vẻ đặc điểm sần sùi, cứng cáp như những chàng trai miền núi:

Củi quê mình sần sùi cứng cáp

Đã cháy lên chẳng lụi bao giờ

(Lửa rừng)

Vẻ đẹp của người con gái trong cơn mưa cũng được Y Phương mô tả bằng những tính từ độc đáo:

Cô gái đầu trần nghiêng nghiêng cơn mưa

Áo bó sát, ngực căng núc ních

(Mưa)

Tìm hiểu nghiên cứu vấn đề tính từ trong thơ tình yêu Y Phương, chúng tôi có thêm cơ sở khi nhận được kết quả khảo sát thống kê:

| Tính từ chỉ sắc màu gam nóng | Tập 1 | Tập 2 | Tập 3 | Tập 4 | Tập 5 | Tập 6 |
|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Số lần | 20 | 45 | 25 | 132 | 57 | 180 |

Như vậy, có thể thấy ngôn ngữ thơ tình yêu Y Phương mang một hệ thống tính từ với sắc rực rỡ. Nó cũng là biểu hiện chân thực của tâm hồn, tính cách và con người nhà thơ đậm chất miền núi này.

3.2.2. Các biện pháp tu từ được ưa thích sử dụng trong thơ tình yêu Y Phương

Không chỉ sử dụng phong phú, linh hoạt hệ thống từ ngữ biểu cảm và giàu sắc thái tạo hình, Y Phương còn sử dụng thành công các biện pháp tu từ nhằm làm tăng thêm giá trị lời thơ. Trong khuôn khổ đề tài, chúng tôi không có điều kiện khảo sát toàn bộ các biện pháp tu từ được nhà thơ sử dụng trong mảng thơ tình yêu mà chỉ dừng lại ở 4 biện pháp được nhà thơ ưa dùng nhất đó là: Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, điệp cấu trúc.

** Biện pháp nhân hóa*

Nhân hóa là dùng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối.

Biện pháp nhân hóa được Y Phương sử dụng nhuần nhuyễn và đạt được giá trị nghệ thuật cao. Bài thơ sau là một ví dụ:

Những bông hoa luôn nghĩ về nhau

Nên đẹp như nhau

Những con cá luôn nghĩ về nhau

Nên lớn mau

(Nghĩ về nhau)

Bông hoa, con cá vốn là những vật vô tri, vô giác. Bước vào thơ tình của Y Phương, chúng được nhân cách hóa, cũng biết suy nghĩ như con người. Bài thơ có sức lay động, thức tỉnh đối với mỗi chúng ta. Cây hoa, con cá còn biết suy nghĩ cho nhau, làm cho nhau đẹp hơn. Vậy thì tất nhiên rồi, chúng ta là con người, cần phải "nghĩ về nhau" trong mọi hoàn cảnh, tình huống.

Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ **Trăng muôn** trở nên sinh động, gần gũi và có hồn hơn nhờ nghệ thuật nhân hóa. Trăng xuất hiện muôn là bởi nó phải "boi" qua muôn ngàn mây đen, phải vượt qua một hành trình dài với nhiều thử thách để tỏa sáng:

Trăng muôn

Trăng không muôn

Dùm dìm trăng boi qua muôn mây đen

(Trăng muôn)

Khi viết về cái góc của đàn ông trong tình yêu, nhà thơ nhân hóa hình ảnh các vì sao. Chúng cũng biết "nhấp nháy cười" khi chứng kiến sự vụng dại, ngốc nghếch ấy:

Những vì sao trên trời

Nhấp nháy cười

Đàn ông các người góc nghếch lắm

(Đàn ông góc nghếch lắm)

Hay như trong bài thơ **Giận thương**, Y Phương sử dụng nghệ thuật nhân hóa để nhấn mạnh cái dữ dội của một con giận. Chúng cũng biết bò, leo, trườn, ngậm, dừng lại như con người:

Con giận ngoi từ đất

Bò lên bàn chân

Leo đến đầu gối

Trườn lên eo lưng

Ngậm vào bầu ngực

Giận dừng lại

(Giận thương)

** Biện pháp so sánh*

So sánh là đối chiếu hai hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.

Biện pháp nghệ thuật so sánh xuất hiện nhiều trong ngôn ngữ tạo hình, trong lời văn nghệ thuật của các nhà thơ dân tộc thiểu số. Và nó là một trong những yếu tố quan trọng làm nên sức hấp dẫn, sự độc đáo trong sáng tác của họ.

Khi viết về tình yêu, các nhà thơ thường sử dụng biện pháp so sánh để khắc họa các cung bậc cảm xúc. Nông Thị Ngọc Hòa có những vần thơ đầy những xót xa, cay đắng về tình yêu:

Ta khô cháy giữa điệp trùng sa mạc

Mình như dòng lệ đắng chảy vào thu

(Nông Thị Ngọc Hòa – Thu)

Y Phương lại viết về nỗi nhớ người yêu da diết, khôn nguôi của của đôi lứa yêu nhau qua những hình ảnh so sánh độc đáo: như chim nhớ tổ:

Lúc này

Anh nhớ em như chim nhớ tổ

(Em trước mặt)

Khi nổi nhớ ấy lên đến đỉnh điểm, nhân vật trữ tình được so sánh với "hòn mây":

*Có nổi nhớ rỉ ra góc mắt
Ngồi thu lu như một hòn mây*

(Hòn mây)

Có lúc, nhà thơ sử dụng nghệ thuật so sánh đơn giản chỉ để mô tả, nhấn mạnh tình hình sức khỏe, cũng như thói quen sinh hoạt của nhân vật trữ tình:

*Anh đã trải qua lần cấp cứu
Yếu như trăng rồi lại khỏe như trời
Ăn như lửa ngủ say như khúc gỗ*

(Đàn chim trắng)

Trong nhiều bài thơ của mình, ông còn ca ngợi những nét đẹp ngoại hình và vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của người phụ nữ thông qua phép so sánh: *Em như cây hoa/Ai gần em cũng đẹp/Em như chum rượu/Ai gần em cũng say/Em như bếp lửa/Ai gần em cũng ấm/Một ngày em đi vắng/Anh như bò nhằm chuồng/Một tuần em đi vắng/Anh như quả chuông điếc/Một năm em đi vắng/Anh như gà trụi lông (Gà trụi lông)*. Các từ ngữ được sử dụng như "cây hoa", "chum rượu", "bếp lửa", "quả chuông điếc", "gà trụi lông"...đầy tính tạo hình, tính biểu cảm đã diễn tả một cách cụ thể, sinh động sức hấp dẫn và giá trị của "em", cũng như sự lạc lõng, mất phương hướng của "anh" trong cuộc sống hàng ngày khi thiếu vắng "em". Điều này gợi ra những cảm xúc riêng trong lòng người đọc. Dường như, giá trị của bài thơ được nhân lên bởi những hình ảnh so sánh thú vị, độc đáo đó.

Những cách nói, cách so sánh ví von như trên đã thể hiện được đặc điểm trong lối sống, trong tư duy, trong cách diễn đạt của Y Phương nói riêng và người miền núi nói chung. Trước hết, cuộc sống của những con người miền núi luôn gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên núi rừng nên họ đã lấy đặc điểm của cỏ cây, hoa lá, của các vật dụng hàng ngày làm đối tượng so sánh

với con người. Hơn nữa, người miền núi sống rất giản dị, chân thành nên mà rất tự nhiên, mộc mạc như nó vốn có. Chính điều này đã giúp tác giả thành công trong việc biểu thị thái độ, tình cảm trước cuộc sống. Từ đó góp phần tạo nên đặc sắc cho ngôn ngữ thơ tình yêu của ông.

** Biện pháp ẩn dụ*

Bên cạnh so sánh, nhân hóa, ẩn dụ cũng là một trong những biện pháp nghệ thuật độc đáo được nhà thơ ưa thích sử dụng.

Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Từ đặc điểm của một sự vật rất gần gũi với đồng bào miền núi đó là rơm, Y Phương đã dùng nó để thực hiện một phép ẩn dụ độc đáo. Rơm ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ cho người con gái- người vợ - người mẹ. Giống như rơm, họ luôn hy sinh bản thân, sống không phải vì mình mà vì mọi người xung quanh: *Rơm/Tự làm đời mình tan nát/Rơm trở thành mùi thơm/Rơm/Tự làm đời mình tan nát/Để giữ nguyên những hạt vàng/Rơm/Đang sống vì muôn người này/Rơm/Luôn sống vì muôn đời sau (Những thiên thần của tôi từ rơm đi ra).*

Ở bài thơ **Mặt trời và cỏ**, nghệ thuật ẩn dụ cũng được Y Phương sử dụng thành công. Mặt trời ở đây không còn là mặt trời của tự nhiên nữa mà nhà thơ đã mượn hình ảnh ấy để nói về tình yêu. Cũng giống như mặt trời, tình yêu luôn mang trong mình sức nóng, sự tươi mới, rực rỡ. Vạn vật không thể sống nếu thiếu ánh sáng và hơi ấm của mặt trời. Tương tự như thế, cuộc sống này sẽ chẳng thể tồn tại nếu thiếu tình yêu:

Mặt trời tươi

Bò

Lăn

Miết

Nhiệt tình lên ngọn cỏ

(Mặt trời và cỏ)

Lấy hình ảnh mặt trời làm ẩn dụ cho tình yêu là một sáng tạo độc đáo của Y Phương. Nó khác hẳn với ẩn dụ mặt trời trong thơ Sùng Nhì Tú: "*Mặt trời chiếu tia nắng xuống bên đồi dốc/ Ta có bác Hồ - Bác Hồ bảo người Mông ta cách làm ăn*".

Hình ảnh bếp lửa cũng được nhà thơ sử dụng để thực hiện những phép ẩn dụ độc đáo:

*Anh đang có một trời sao chín
Một bếp lửa hồng sắp tràn năm
Dẫu mỗi ngày chỉ một bữa ăn
Làm vui cả rừng buồn*

Nhà thơ mượn những đặc điểm của bếp lửa để thể hiện niềm hy vọng vào một cuộc sống ấm tình người, một tình yêu cháy bỏng, niềm niềm khát khao yêu và được yêu.

Bằng việc sử dụng thành công nghệ thuật ẩn dụ, Y Phương đã khiến những bài thơ tình của mình trở nên độc đáo hơn, hấp dẫn hơn. Và có lẽ, điều này cũng góp phần không nhỏ trong việc tạo ra những giá trị về mặt ngôn ngữ thơ tình yêu Y Phương.

** Điệp cấu trúc*

Điệp cấu trúc là biện pháp tu từ lặp lại một yếu tố diễn đạt (từ, cụm từ, câu) nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng nghệ thuật.

Đọc thơ tình yêu Y Phương, ta còn thấy nhà thơ đã sử dụng thủ pháp điệp cấu trúc một cách độc đáo, tài ba. Điều này đã tạo nên những hiệu quả nghệ thuật riêng có.

Bài thơ **Cây gạo mùa hè** là một ví dụ:

*"Dù ở nơi nào
Anh cũng thấy em (...)
Dù ở nơi nào*

Anh cũng thương em (...)

Dù ở nơi nào

Anh cũng nhớ yêu em(...)

(Cây gạo mùa hè)

Cấu trúc "*Dù ở nơi nào/anh cũng...*" được điệp lại 3 lần để khẳng định: em luôn tồn tại trong anh. Dù có đang ở đâu, làm công việc gì đi chăng nữa, anh cũng luôn nhớ về em, thấy em trước mặt, thương em, yêu em.

Hay ở bài thơ **Mát rượi cây đàn** sau:

Vì yêu em nên ngâm thơ cây đàn

Hộp đàn mỏng đựng nỗi niềm trong ấy (...)

Vì yêu em nên ngâm thơ cây đàn

Em nâng đỡ âm thanh sang một phía (...)

Vì yêu em nên ngâm thơ cây đàn

Anh đã thấy cây đàn rợp bóng (...)

Chúng mình yêu cây đàn vang xa

Chúng mình yêu cây đàn ngân nga

(Mát rượi cây đàn)

Không phải một mà có đến hai cấu trúc được lặp lại trong bài thơ trên. Cấu trúc "*Vì yêu em nên ngâm thơ cây đàn*" điệp lại 3 lần để diễn tả sức mạnh tình yêu của nhân vật trữ tình. Cùng với đó, cấu trúc "*Chúng mình yêu cây đàn...*" được điệp lại 2 lần đã khẳng định ý nghĩa của tình yêu đôi lứa.

Trong bài thơ **Buồn lấp lánh** cũng có hai cấu trúc được điệp lại: *Người họa sỹ đi rồi/Những mảng màu ra sao/Người nhạc sỹ đi rồi/Những nốt nhạc ra sao/Người thi sỹ đi rồi/Những con chữ ra sao.../Khi cha mẹ đi rồi/Các con mình ra sao/Khi tình yêu mủn rôi/Những nụ hôn ra sao/Ồ không sao!Khi mặt trời rời bầu trời/Những đứa con của họ bắt đầu chín (Buồn lấp lánh).* Cấu trúc "*Người...đi rồi/Những...ra sao*" lặp lại 3 lần làm tiền đề cho cấu trúc

"*Khi...rồi/...ra sao*" để khẳng định một triết lý dù buồn nhưng vẫn đầy hi vọng: Sự tiếp nối của các thế hệ chính là sự tiếp nối của tình yêu vĩnh hằng.

Với bài thơ **Nhớ và quên** cấu trúc câu "*Anh vẫn nhớ*" được điệp lại hai lần để khẳng định anh luôn luôn nhớ tới lời dặn dò của em rằng không được nhìn ngắm người con gái khác. Tuy rằng đôi khi anh vẫn bị cuốn hút bởi những ánh nhìn, anh vẫn "ngắm thật lâu" nhưng không sao đâu em bởi "*Làm sao thì làm sao rồi*":

Anh vẫn nhớ

Lời em dặn

Ở chỗ đông người

Tránh nhìn lâu vào trong mắt nhau

Anh vẫn nhớ

Nhưng làm sao nhịn được

Thỉnh thoảng anh liếc trộm

Và...ngắm thật lâu

(Nhớ và quên)

Hay như bài thơ có nhan đề **Xé**, nhà thơ đã sử dụng thủ pháp điệp cấu trúc "*Ta nhớ - Ta quên - Ta yêu...*" để đẩy khát vọng yêu lên dần đến cao trào: *Ta nhớ em đến chín/Ta nhớ em đến sống/Ta quên mình đang thai/Ta yêu em sớm mai/Ta yêu em chiều tà/Ta yêu em trùng điệp/Yêu như giông tới tấp.*

Và cao trào ấy được đẩy lên đến đỉnh điểm với cấu trúc câu "*Ta...*" được điệp lại hai lần:

Ta xé thịt bắp đùi

Ta dâng lên em yêu

Các bài thơ khác như : *Cảm tác, Những thiên thần của tôi từ rom đi ra, Trăng muộn, Nghĩ về nhau, Lãi, Sa mạc yêu, Ngơ ngác, Câm...*Đều được nhà thơ sử dụng thủ pháp điệp cấu trúc một cách thành công, để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn người đọc.

3.3. Giọng điệu nghệ thuật trong thơ tình yêu Y Phương

Thơ là tiếng nói của cảm xúc, là câu chuyện của trái tim. Do đó, khi tiếng nói của tâm hồn được cất lên thì cũng là lúc những bản nhạc lòng vang lên. Nhạc lòng của thi sĩ hòa với nhạc tính của âm thanh ngôn ngữ đã tạo nên những cung bậc, thanh âm khác nhau.

Dưới góc độ lý luận văn học, giọng điệu nghệ thuật thể hiện sắc thái tình cảm, lập trường, thái độ của nghệ sĩ đối với cuộc sống nên nó sẽ rất đa dạng, phong phú. Nó không chỉ là vấn đề thuộc về phong cách nghệ thuật mà còn là yếu tố quan trọng tạo thành tư tưởng, nội dung tác phẩm. Giọng điệu là một yếu tố thuộc về nghệ thuật, nó chi phối đến các bình diện hình thức, được bộc lộ qua các dấu hiệu hình thức, cho nên nó có vai trò rất quan trọng, đem lại cá tính sáng tạo, phong cách riêng của nghệ sĩ qua tác phẩm của mình.

Thơ trữ tình bản thân nó đã rất khác với các thể loại văn học khác, nó như là một bản tự thuật tâm trạng. Trong thơ thể hiện những mảng tâm trạng điển hình, những lát cắt cảm xúc mãnh liệt. Bởi thế, ngoài âm và nghĩa ra còn có giọng. Giọng thơ ít nhiều thể hiện phong cách của tác giả. Ta bắt gặp vô vàn những giọng điệu thơ khác nhau. Giọng hồn nhiên mà sâu lắng của Lâm Thị Mĩ Dạ, giọng nồng nàn, say đắm của Xuân Quỳnh, giọng cay đắng có phần xót xa của Đoàn Thị Lam Luyện...

Với Y Phương, ông sử dụng linh hoạt, đa dạng các giọng điệu nghệ thuật trong thơ tình yêu của mình. Trong đó, giọng điệu ngợi ca là giọng điệu chủ đạo trong những sáng tác ở giai đoạn đầu, khi nhà thơ còn trẻ. Giọng điệu hoài niệm, khắc khoải, tiếc nuối và giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý xuất hiện nhiều trong các sáng tác khi nhà thơ bước sang tuổi xế chiều. Việc sử dụng nhiều giọng điệu khác nhau sẽ mang lại hiệu quả cao trong biểu đạt cảm xúc.

3.3.1. Giọng điệu ngợi ca tự hào

Ngợi ca cái đẹp là giọng điệu thường thấy của văn học Việt Nam ở mọi thời đại. Khi văn học vừa mới hình thành, ta đã thấy xuất hiện một chàng Thánh Gióng có ngoại hình cường tráng, có sức khỏe phi thường,

có tài đánh giặc không ai bằng. Sau này, các tác giả của nền văn học trung đại cũng đã dành nhiều trang viết ngợi ca cái đẹp, cái tốt. Đó là vẻ đẹp “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*” của Thúy Kiều, là bản tính thẳng thắn, trung thực, dũng cảm của Lục Vân Tiên...Bước sang nền văn học hiện đại, ta lại bắt gặp hình ảnh kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu của Tnú, Việt, chị Út Tịch...Tiếp nối truyền thống của văn học Việt Nam, Y Phương luôn có xu hướng khuyếch đại cái đẹp trong các sáng tác của mình, đặc biệt là mảng thơ tình yêu. Ông nhiệt thành khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp trong tình yêu của con người miền núi.

Nhà thơ dành nhiều trang viết để ca ngợi sức mạnh, ý nghĩa của tình yêu:

*Khi chưa có tình yêu
Con người chỉ là từng hạt thóc riêng lẻ
Có tình yêu rồi
Con người mới trở thành cơm nghi ngút khói*

(Xin thưa)

Tình yêu chính là "chất xúc tác" biến mỗi chúng ta từ "từng hạt thóc riêng lẻ" cô đơn, lạnh lẽo trở thành một nồi "cơm nghi ngút khói" ấm áp, thơm ngon, mang lại sự sống cho đời.

Và đây cũng là một bài thơ với giọng điệu ngợi ca tương tự như thế: *Lãi của gió là sóng/Lãi của sóng là muốn mặn/Lãi của muối mặn là gừng cay/Lãi của đêm là ngày/Lãi của ngày là người/Lãi của người là tình yêu không bao giờ mất (Lãi).*

Triệu Kim Văn dành nhiều trang viết để ca ngợi vẻ đẹp của con người làm chủ núi rừng, sống cùng núi rừng, làm cho núi rừng bừng sáng lung linh sắc màu cuộc sống:

*Chúng tôi trồng ngô lúa
Lưng núi ruộng không có
Thì đào ruộng bậc thang*

*Những bông lúa trĩu vàng
Đẹp như là tấm thảm*

(Bản núi)

Y Phương lại tập trung ca ngợi vẻ đẹp ngoại hình cũng như tâm hồn của người con gái trong tình yêu. Vẻ đẹp của em là vẻ đẹp trong ngần, trinh nguyên, mát rượi, tròn trịa như vàng trắng đêm rằm. Nhà thơ đã ngợi ca "em" mà không cần dùng đến bất kì từ ngợi ca nào:

*Khi mặt trời lặn
Mặt trời thoát vào không khí
Khi mặt trăng lặn
Trăng thoát vào da thịt em*

(Da thịt em)

Đặc biệt, giọng điệu ngợi ca còn sáng lên trong những bài thơ viết về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ vùng cao:

*Rom
Tự làm đời mình tan nát
Rom trở thành mùi thơm
Rom tự làm đời mình tan nát
Để giữ nguyên những hạt vàng*

(Những thiên thần của tôi từ rom đi ra)

Không chỉ ca ngợi em, Y Phương còn ca ngợi cả anh – người chồng, người cha:

*Nước ngập đầu
Anh vẫn đến
Hổ báo đón đường
Anh vẫn đến
Để gặp vô vàn người trong một con người*

(Một)

Anh hiện lên với vẻ đẹp đắm say, dữ dội trong tình yêu. Bất chấp tất cả, anh vẫn đến bên em, để được yêu thương, che chở và bảo vệ cho em – cô gái của lòng anh.

Thấu hiểu và gắn bó với cuộc sống, con người nơi bản làng Trùng Khánh, nhà thơ không khỏi tự hào, để từ đó cất lên những lời thơ đầy ngưỡng mộ về vẻ đẹp của em, của anh. Và thực ra là để nói và ngợi ca con người miền núi trong tình yêu đôi lứa với vẻ đẹp và sức sống tiềm tàng. Độc giả dường như đang được tận mắt nhìn ngắm và chiêm ngưỡng những vẻ đẹp bất tử ấy. Điều đó khiến các bài thơ tình yêu của Y Phương trở nên hấp dẫn hơn và có sức trường tồn cùng năm tháng.

3.3.2. Giọng điệu hoài niệm, tiếc nuối

Bên cạnh giọng điệu ngợi ca, ta còn bắt gặp trong thơ tình yêu Y Phương giọng điệu hoài niệm, khắc khoải, đầy tiếc nuối.

Tình yêu không phải lúc nào cũng đến đúng thời điểm khi ta còn trẻ, mà đôi khi, nó đến muộn. Có những người phải đến tận lúc về già, thần tình ái mới cho họ tìm thấy tình yêu đích thực của mình. Y Phương đã sử dụng giọng điệu khắc khoải, tiếc nuối khi viết về những mối tình "chín muộn" ấy:

Sinh con rồi

Tình yêu ta chưa sinh

Sinh cháu rồi

Tình yêu mới đến

(Hoa bất tử)

Tuổi thanh xuân với những khát khao, hoài bão, với tình yêu cháy bỏng luôn là quãng thời gian đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người. Nhưng xuân của đời người chỉ đến với chúng ta một lần duy nhất. Và khi nó qua đi rồi, nhà thơ nhớ về quãng thời gian ấy với giọng điệu đầy tiếc nuối:

Tuổi trẻ chỉ một lần

Như sông kia trôi như mây kia bay

Một đi không trở lại

Mỗi lần nhớ là một lần buốt nói

(Thưởng sống)

Tiệc nuôi đôi khi còn bởi sự bất lực của tuổi già. Họ không còn đủ sức khỏe để làm tất cả những gì mình muốn như khi còn trẻ:

Bạn còn trẻ

Đêm đêm chân gác chân

Tôi nhàu rồi

Đêm đêm tôi gác chân

(Đôi chân)

Khi viết về phố xưa, về "em" – mối tình đầu lỡ nhịp, nhà thơ sử dụng giọng điệu hoài niệm: *Phố xưa/Đến giờ vẫn như xưa/Mái mái nhà nâu/Cột cột nhà đen/Đêm đêm lép bép ngọn đèn (...)/Tôi trở về tìm người xưa ở phố/Em gọi/Nhưng tôi không ngoài cỏ/Giả vờ đi (Phố xưa).*

Đó còn là sự hoài niệm xen chút cay đắng khi nhân vật trữ tình trở về sau những năm tháng lửa đạn ác liệt nhưng người họ yêu đã không đủ kiên nhẫn để chờ đợi, đã đi theo người khác:

Sau bao nhiêu năm xa nhà

Người ấy phải bùa người ta

Săn tìm người ta

Bỏ quên tôi đắm chìm nơi lửa đạn

(Sám hối)

Cũng là hoài niệm, tiếc nuối nhưng do cá tính sáng tạo khác nhau, hoàn cảnh và điều kiện khác nhau nên mỗi nhà thơ lại mang trong mình một tâm tư, cảm xúc riêng.

Thơ Mai Liễu là những hoài niệm sâu sắc về quê hương và cội nguồn của một người ly hương:

Xuống lưng đèo là nhìn thấy bản

Thấy ruộng bậc thang hắt nắng lên trời

Có lẽ nào nghe suối rìng mà khóc

Ta cúi xin. Ta ngả mũ chào đèo

(Về quê)

Thơ Triệu Kim Văn là nỗi lòng hoài niệm của một người đang nhớ tiếc, đang hụt hẫng và kiếm tìm những mát mát ngay chính trong không gian sống của mình:

Phố gói lên đầu dốc đứng

Làng chen những mái nhà sàn

(Thị xã đầu nguồn sông)

Còn với Y Phương, thơ tình của ông ngập tràn những hoài niệm, tiếc nuối về tình yêu, về sự trôi chảy của thời gian, về những ngậm ngùi khi tuổi trẻ qua đi. Giọng điệu này cũng đã thể hiện chân thật cái tôi chủ quan của một nhà thơ vốn giàu tình cảm. Những đổi thay của cuộc sống mới cùng với những chiêm nghiệm của bản thân đã dẫn đến nhiều suy tư, luyến tiếc, thương nhớ trong giọng thơ của nhà thơ Tày này.

3.3.3. Giọng điệu chiêm nghiệm triết lý

Có một âm sắc mới lạ và độc đáo trong thơ tình yêu Y Phương, đó là giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý. Khi bước sang cái dốc bên kia của cuộc đời, thơ tình yêu Y Phương không còn đơn giản là những cung bậc cảm xúc nữa mà nó là những suy nghĩ thấm thía về tình yêu. Và có lẽ, chính điều này đã làm nên chất trí tuệ và tạo nên tính hiện đại cho những vần thơ của ông.

Giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý vang lên trong nhiều bài thơ tình của Y Phương. Bài thơ sau là một ví dụ:

Những gì trái tim nói

Chỉ mình anh biết thôi

... ..

Từ giờ em đừng hỏi

Yêu nhau nhiều chừng nào

(Đừng hỏi)

Trong tình yêu, thì sự tin tưởng lẫn nhau là một yếu tố rất quan trọng, nhưng dường như ở đây cô gái chưa thật sự tin tưởng chàng trai nên muốn hỏi chàng trai: "*Yêu nhau nhiều chừng nào?*" để thấu trái tim chàng trai, để biết anh có dành trọn tình cảm cho mình không. Nhưng cô gái đã nhầm, tình yêu lớn bằng nào chỉ có con tim mới cảm nhận được chứ mọi lời nói hoa mỹ đều không thể nào diễn tả nổi. Chúng ta đừng dùng bất cứ thứ gì để đong đếm tình yêu bởi nó là tiếng nói của trái tim – một triết lý đơn giản nhưng có ý nghĩa thức tỉnh rất lớn đối với các bạn trẻ đang yêu.

Các câu bút khác thường thi vị hóa tình yêu như:

Thời gian như gió thoảng qua

Tình yêu là cánh đồng hoa giữa trời

(Hát ru – Xuân Quỳnh)

Y Phương lại tỏ ra rất hiện thực khi viết về tình yêu. Sau những chiêm nghiệm, đúc kết, tình yêu của Y Phương khi về già là tình yêu ngấm ngội. Một số bài hàm ẩn sự ngậm ngùi mang theo nhiều triết lý nhân sinh cho độc giả:

Mình ngủ ngon mình nhé

Anh mơ thay cho mình

Vẫn biết rằng

Tình yêu chỉ là những giấc mơ

Những giấc mơ chưa bao giờ tới đích

(Giấc ngủ trẻ thơ)

Tình yêu chỉ là những giấc mơ không bao giờ tới đích. Nhân tình đôi khi được ví như mặt trăng và mặt trời, chẳng bao giờ chạm tới được với nhau. Nhà thơ đã rút ra triết lý về những éo le, bi kịch muôn đời của tình yêu:

Từng giọt đàn như a – xít

Nhỏ vào ruột

Từng lời hát như như muối xát vào gan

... ..

Nhân tình như nhật nguyệt

(Giọt đàn)

Và đây cũng là những câu thơ có cách viết và vẻ đẹp tương tự như thế:

Ta thương người cửa trước

Sao người mênh mông xa

Ta yêu người cửa sau

Sao người bung buồn ta

(Bung buồn)

Động từ "bung" ở câu kết được coi như "nhãn tự" của bài thơ. Nó khiến cả bài thơ bừng sáng lên một vẻ đẹp độc đáo. PGS. TS. Nguyễn Đức Hạnh đã từng bình về khổ thơ này như sau: "*Người là một đầu bếp vô tình nhưng kiên nhẫn, đời ta như chiếc nồi vô hình, nổi buồn như những hạt ngô vô hình, thời gian như ngọn lửa vô hình "người" đã kiên trì "bung" cho như nhuyễn nổi buồn trong suốt cuộc đời "ta" đấy*". Đây quả thực là một tứ thơ đầy sáng tạo của Y Phương.

Ngoài ra, qua khảo sát, chúng tôi còn bắt gặp giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý trong nhiều bài thơ tình khác của Y Phương như: *Xin thưa, Nhớ và quên, Nhai đau, Trả lời hộ tôi, Đừng hỏi, Xé, Tình yêu răng cưa, Bung buồn, Hoa bất tử, Đôi chân...*

Là một trí thức thời hiện đại, lại có nhiều trải nghiệm về tình yêu, càng về sau, giọng điệu triết lý trong thơ tình yêu Y Phương càng được thể hiện sâu sắc và thấm thía. Đó là chất giọng góc cạnh, sắc sảo nhưng trầm lắng, da diết. Chính giọng thơ giàu chất trải nghiệm và suy tư về tình yêu đã đem đến thành công trong việc biểu đạt thế giới nội tâm phong phú, đa chiều của con người.

Tiểu kết: Thơ tình yêu Y Phương ngày càng hấp dẫn, lôi cuốn người đọc hơn. Có được điều đó là do nhà thơ đã sử dụng sáng tạo, thành công những thủ pháp nghệ thuật độc đáo.

Thứ nhất: Nhà thơ Y Phương đã xây dựng thành công trong thơ mình một hệ thống các biểu tượng giàu ý nghĩa.. Đó là những biểu tượng tượng trưng cho "em" như: Sông, trăng, bếp lửa...; là những biểu tượng tượng trưng cho "anh" như: đá, núi; là những biểu tượng tượng trưng cho các cung bậc tình yêu như: ngọn lửa, mặt trời...Điều này đã đem lại cho thơ tình yêu Y Phương một bản sắc độc đáo, một cảm quan giàu nội lực văn hóa.

Thứ hai: Y Phương đã xây dựng và sử dụng thành công hệ thống từ ngữ mang dấu ấn văn hóa người miền núi trong các bài thơ tình yêu của mình. Đó là hệ thống động từ thiên về hướng nội, hệ thống danh từ chỉ sự vật, hiện tượng quen thuộc trong đời sống miền núi, hệ thống tính từ với những gam màu nóng, rực rỡ phù hợp với cái cuồng nhiệt, cái dữ dội khi yêu của người miền núi và cá tính sáng tạo của nhà thơ. Bên cạnh đó, nhà thơ còn sử dụng nhuần nhuyễn các biện pháp nghệ thuật như: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, điệp cấu trúc...

Thứ ba: Y Phương sử dụng linh hoạt, đa dạng các giọng điệu nghệ thuật trong thơ tình yêu của mình. Trong đó, giọng điệu ngợi ca là giọng điệu chủ đạo trong những sáng tác ở giai đoạn đầu, khi nhà thơ còn trẻ. Giọng điệu hoài niệm, khắc khoải, tiếc nuối và giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý xuất hiện nhiều trong các sáng tác khi nhà thơ đã bước sang tuổi xế chiều. Tiếng thơ ấy góp phần làm cho cung đàn thơ tình yêu Y Phương nói riêng và thơ tình yêu dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung trở nên đa dạng, phong phú và hấp dẫn hơn.

C. KẾT LUẬN

1. Thơ ca dân tộc thiểu số là bộ phận không thể thiếu của nền thơ Việt Nam hiện đại. Trong vườn hoa đầy hương sắc ấy, Y Phương nổi lên như một nhà thơ Tày xuất sắc nhất. Ông là tác giả của 7 tập thơ, 2 trường ca và 3 tập tản văn. Bằng tài năng và đam mê sáng tạo của mình, nhà thơ đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý, trong đó có giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật.

Thơ tình yêu xuất hiện với tần số ngày càng dày đặc trong các tập thơ của Y Phương. Với Vũ khúc Tày – tập thơ song ngữ ra đời gần đây nhất, thơ tình yêu chiếm tỉ lệ lên đến 74,1%. Qua năm tháng cho đến nay, các bài thơ tình đã khẳng định được vị trí và giá trị của mình. Khám phá thơ tình yêu Y Phương sẽ góp phần không nhỏ trong việc giải mã và khẳng định cá tính sáng tạo cũng như phong cách nghệ thuật của nhà thơ. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên biệt nào về thơ tình yêu của Y Phương. Đây vẫn còn là một khoảng trống hứa hẹn sẽ cho những kết quả nghiên cứu lí thú, hữu ích.

2. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu, chúng tôi đã làm sáng tỏ những đặc điểm nổi bật về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật trong thơ tình yêu của Y Phương. Cụ thể là:

2.1. Bức tranh thiên nhiên miền núi trong thơ tình yêu Y Phương xuất hiện với hai sắc thái thẩm mỹ vừa đối lập, vừa song hành với nhau: thơ mộng, trữ tình và dữ dội, hoang sơ. Đây chính là hai vẻ đẹp mang tính đặc trưng cho quê hương Cao Bằng nói riêng, cho miền núi nói chung. Đặc trưng ấy còn gợi liên tưởng đến hai nét tính cách tiêu biểu của người miền núi khi yêu: cương và nhu, mềm mại, trầm lặng, giàu yêu thương và bất khuất kiên cường. Thiên nhiên là tấm gương soi cho tâm trạng con người, cảnh nào thì tình đấy. Đồng thời, nhờ có tình yêu bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp độc đáo và kì diệu với nét chấm phá về hình ảnh, âm thanh, màu sắc, hương vị.

Hình ảnh con người miền núi khi yêu hiện lên với vẻ đẹp độc đáo trong nỗi nhớ người yêu, với khả năng vượt qua trở ngại, thử thách của tình yêu, với đức hy sinh cao cả, với sự thủy chung, son sắt, với sự hồn nhiên, mãnh liệt trong tình yêu và tình dục. Hình tượng nhân vật trữ tình trong thơ tình yêu Y Phương chính là phiên bản tâm hồn nhà thơ nói riêng và các chàng trai, cô gái dân tộc miền núi khi yêu nói chung. Nó bắt nguồn từ cội rễ truyền thống văn hóa bền chặt của đồng bào dân tộc Tày ở Trùng Khánh – Cao Bằng.

Những bài thơ tình được nhà thơ sáng tác khi còn trẻ ngập tràn muôn ngàn cung bậc cảm xúc, tình cảm: giận hờn, ghen tuông, ngượng ngùng, e sợ, nhớ nhung, đau khổ... Khi tuổi đã xế chiều, thơ tình yêu Y Phương lại nhuốm màu triết lý nhân sinh. Đó là triết lý về vẻ đẹp và sức sống kì diệu mà tình yêu mang lại cho con người, là triết lý về sự trôi chảy của thời gian và những ngậm ngùi của tuổi già, là triết lý về người phụ nữ khi yêu – họ luôn là hình ảnh vĩ đại nhất.

2.2. Thơ tình yêu Y Phương là một thế giới với hệ thống các biểu tượng nghệ thuật giàu ý nghĩa. Đó là những biểu tượng tượng trưng cho "em" như: Sông, trăng, bếp lửa...; là những biểu tượng tượng trưng cho "anh" như: đá, núi; là những biểu tượng tượng trưng cho các cung bậc tình yêu như: ngọn lửa, mặt trời... Đây đều là những biểu tượng mang đậm sắc thái miền núi và phong vị văn hóa dân tộc Tày. Tìm hệ thống các biểu tượng kể trên là một chìa khóa quan trọng góp phần giải mã những độc đáo thơ tình yêu Y Phương.

Ngôn ngữ nghệ thuật thơ tình yêu Y Phương có hai đặc điểm nổi bật đáng chú ý, đó là từ loại và biện pháp nghệ thuật được nhà thơ yêu thích sử dụng. Từ loại trong thơ tình yêu Y Phương khá nổi bật ở hệ thống danh từ chỉ sự vật, hiện tượng quen thuộc trong đời sống miền núi, hệ thống tính từ với những gam màu nóng, rực rỡ, hệ thống động từ hướng nội chiếm đa số. Các biện pháp nghệ thuật được nhà thơ ưa dùng bao gồm: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, điệp cấu trúc... Chúng đã góp phần không nhỏ trong việc tạo nên sức hấp dẫn của từng bài thơ.

Giọng điệu nghệ thuật thơ tình yêu Y Phương phong phú, đa dạng. Ta bắt gặp giọng điệu ngợi ca trong các sáng tác khi nhà thơ còn trẻ; giọng điệu hoài niệm tiếc nuối và giọng điệu chiêm nghiệm triết lý xuất hiện hầu khắp trong các bài thơ tình được nhà thơ viết khi về già. Giọng điệu này được nhà thơ sử dụng một cách khéo léo, tài tình, khiến người đọc không thể dễ dàng dừng lại bề ngoài câu chữ mà phải đồng cảm và đồng sáng tạo cùng tác giả.

Có khẳng định, thơ tình yêu Y Phương lạ mà quen: Lạ ở cá tính sáng tạo độc đáo của nhà thơ, ở bản sắc văn hóa Tày; quen ở chỗ những con người miền núi khi yêu ấy, những cung bậc tình yêu ấy cũng gần gũi, hòa đồng với con người khi yêu ở Việt Nam, ở tầm nhân loại vì cùng đạt tới tính nhân văn, giá trị thẩm mỹ.

3. Nếu được nghiên cứu ở cấp độ cao hơn, chúng tôi thấy có thể phát triển đề tài này theo một số hướng sau đây:

- Sự kết tinh bản sắc văn hóa Tày với bản sắc văn hóa Việt trong thơ tình yêu Y Phương.
- Thơ tình yêu Y Phương từ góc nhìn văn hóa.
- Thơ tình yêu của các nhà thơ Tày tiêu biểu

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2004), *150 từ điển thuật ngữ Văn học*, NXB Đại học quốc gia, H.
2. Nguyễn Duy Bắc (1998), *Bản sắc dân tộc trong thơ ca Việt Nam hiện đại*, NXB Văn hóa dân tộc.
3. Nguyễn Quang Cảnh (2006), *Ngôn ngữ thơ*, NXB Lý luận chính trị, H.
4. Nông Quốc Chấn, Phan Đăng Nhật, Lâm Tiến – đồng chủ biên (1997), *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, H.
5. Nông Hồng Diệu (2014), *Nhà thơ Y Phương: Nói như người kinh...thì tôi thua*, <https://www.tienphong.vn>, 12/10/2014.
6. Nguyễn Sĩ Đại (2004), *Thơ Y Phương*, <http://www.nhandan.com.vn/>, 21/4/2004.
7. Phạm Gia Đức (2000), *Tổng tập Nhà văn quân đội - tập 7 - kỷ yếu và tác phẩm*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Hà Minh Đức, Lê Bá Hán (1996), *Cơ sở lý luận văn học*, NXB Giáo dục, H.
9. Hà Minh Đức (1974), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học xã hội.
10. Nguyễn Đức Hạnh (2016), *Văn học địa phương miền núi phía Bắc*, NXB Đại học Thái Nguyên.
11. Nguyễn Đức Hạnh, Trần Thị Việt Trung – đồng chủ biên (2015), *Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam truyền thống và hiện đại*, NXB Đại học Thái Nguyên.
12. Hội nhà văn Việt Nam (2007), *Nhà văn Việt Nam hiện đại*, NXB hội nhà văn, Hà Nội.
13. Lê Thị Bích Hồng (2015), *Nhà thơ tày “tự đục đá kê cao quê hương*, <http://www.baocaobang.vn/> , ngày 17/2/2015.
14. Nguyễn Văn Huy (1998), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Giáo dục.

15. Hoàng Thanh Hương, *Nhà thơ Y Phương: Nhà văn và bạn đọc không hề có khoảng cách*, <http://baogialai.com.vn/>, 24/3/2013.
16. Sùng Thị Hương (2013), *Đặc sắc tản văn Y Phương*, Luận văn Th.s, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
17. Nguyễn Thị Thu Huyền (2009), *Bản sắc Tày trong thơ Y Phương và Dương Thuấn*, Luận văn Th.s, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
18. Hoàng Ngọc La, Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn – đồng chủ biên (2002), *Văn hóa dân gian Tày*, Sở Văn hóa thông tin Thái Nguyên.
19. Mã Giang Lân (2003), *Nhận xét ngôn ngữ thơ hiện đại Việt Nam*, tạp chí văn học số 3.
20. Phong Lê, Vũ Văn Sỹ, Bích Thu, Lưu Khánh Thơ (2002), *Thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Lao động, H.
21. Phong Lê (2001), *Văn học Việt Nam hiện đại*, những chân dung tiêu biểu, NXB ĐH quốc gia Hà Nội.
22. Phương Lựu (1997), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục.
23. Phan Ngọc (1991), *Thơ là gì*, Tạp chí văn học số 1.
24. Vi Hồng Nhân (2004), *Văn hóa các dân tộc thiểu số*, NXB Văn hóa dân tộc.
25. Vũ Nho (2001), *Đi giữa miền thơ*, NXB Văn hóa thông tin.
26. Hoàng Phê (2002), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Đà Nẵng.
27. Nguyễn Thúy Quỳnh (2011), *Y Phương “kê cao” thơ Tày hiện đại*, <http://www.nhavantphcm.com.vn/>, 12/01/2011.
28. Lò Ngân Sủn (1995), *Chợ tình*, NXB Văn hóa dân tộc.
29. Lò Ngân Sủn (1997), *Thơ tình Cao Lan*, NXB Hội nhà văn.
30. Trần Đình Sử (2001), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
31. Vũ Văn Sĩ (1999), *Về một số đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam giai đoạn 1945 – 1995*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội.

32. Lâm Tiến (1991), *Vấn đề truyền thống và hiện đại trong văn học các dân tộc Việt Nam*, Tạp chí văn học.
33. Lâm Tiến (1995), *Văn học các dân tộc Việt Nam hiện đại*, NXB Văn hóa dân tộc.
34. Lâm Tiến (1999), *Về một mảng văn học dân tộc*, NXB Văn hóa dân tộc, H.
35. Lâm Tiến (2002), *Văn học và miền núi*, NXB Văn hóa dân tộc, H.
36. Lâm Tiến (2011), *Tiếp cận Văn học dân tộc thiểu số*, NXB Văn hóa – thông tin.
37. Dương Thuần (2005), *Thơ Dương Thuần*, NXB Kim Đồng.
38. Phạm Quang Trung (2003), *Thơ tình Y Phương*,
<http://www.pqtrung.com/>.
39. Trần Thị Việt Trung, chủ biên (2010), *Bản sắc dân tộc trong thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, NXB Đại học Thái Nguyên.
40. Trần Thị Việt Trung, Cao Thị Hảo – đồng chủ biên (2011), *Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại – Một số đặc điểm*, NXB Đại học Thái Nguyên.
41. Phạm Văn Vũ (2015), *Nhà thơ Y Phương: “Nếu kiếp sau tái sinh tôi vẫn cứ làm thơ”*, <http://vannghehainguyen.vn/>, 08/7/2015.
42. Y Phương (1986), *Tiếng hát tháng Giêng*, NXB sở Văn hóa thông tin Cao Bằng.
43. Y Phương (1991), *Lời chúc*, NXB Văn hóa dân tộc.
44. Y Phương (1996), *Đàn then*, NXB Hội nhà văn.
45. Y Phương (2002), *Thơ Y Phương*, NXB Hội Nhà văn.
46. Y Phương (2003), *Chín tháng*, NXB Quân đội nhân dân.
47. Y Phương (2006), *Ngược gió*, NXB Văn hóa dân tộc.
48. Y Phương (2009), *Đò trắng*, NXB hội Nhà văn.
49. Y Phương (2009), *Tháng giêng, tháng giêng một vòng dao quắm*, NXB Phụ nữ.

50. Y Phương (2009), *Khắc đi khắc đến*, <http://vnca.cand.com.vn>, ngày 16/9/2009.
51. Y Phương (2010), *kungfu người Cô Xà*, NXB Hội nhà văn.
52. Y Phương (2011), *Bài hát cho Sả*, NXB Kim Đồng.
53. Y Phương (2016), *Vũ khúc Tày*, NXB Đại học Thái Nguyên.
54. Phỏng vấn trực tiếp nhà thơ Y Phương.
55. Jean chevalier – Alain Gheerbrant (2000), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.